

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ ĐỨC ANH

**TRANH TỤNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA
HÌNH SỰ SƠ THẨM TỪ THỰC TIỄN QUÂN KHU 4**

Chuyên ngành : Luật Hình sự và tố tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS. TS. NGUYỄN VĂN HUYÊN

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác.

Tác giả luận văn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TRANH TỤNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm	7
1.2 Quy định của pháp luật về tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm	14
Chương 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TRANH TỤNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM Ở QUÂN KHU 4	31
2.1. Khái quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của Quân khu 4	31
2.2. Những kết quả hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự Quân khu 4 tại phiên tòa hình sự sơ thẩm	36
2.3. Những hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của hạn chế thiếu sót	41
Chương 3: YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRANH TỤNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM TỪ THỰC TIỄN QUÂN KHU 4	49
3.1 Yêu cầu bảo đảm tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử án hình sự.	49
3.2 Những giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử hình sự ở Quân khu 4	50
KẾT LUẬN	67
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	70

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
CQĐT	Cơ quan điều tra
HĐXX	Hội đồng xét xử
KSV	Kiểm sát viên
TA	Tòa án
TAND	Tòa án nhân dân
TAQS	Tòa án quân sự
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
VKS	Viện kiểm sát
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
VKSQS	Viện kiểm sát quân sự
VKSNDTC	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
VKSQK	Viện kiểm sát quân sự quân khu

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Số liệu các hành vi có dấu hiệu tội phạm liên quan đến Quân đội do Viện kiểm sát quân sự Quân khu 4 nắm và quản lý.....	34
Bảng 2.2 Số lượng vụ án Tòa án quân sự Quân khu 4 đã xét xử và tỷ lệ số vụ Tòa án chấp thuận quan điểm của VKS (2011-2015).....	37

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tranh tụng tại phiên tòa hình sự là một trong những nội dung có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động tố tụng hình sự, là yêu cầu đảm bảo tính công bằng dân chủ giữa người tham gia tố tụng với Viện kiểm sát, là căn cứ để xác định sự thật vụ án và là cơ sở để Hội đồng xét xử ra bản án đúng đắn, khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xác định tầm quan trọng của hoạt động tranh tụng tại phiên tòa, tại các Nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp như Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002, Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 và Kết luận 79-KL/TW ngày 28/7/2010 v.v... đã xác định tầm quan trọng của tranh tụng trong xét xử, coi nội dung này là một trong những nội dung trọng tâm của cải cách tư pháp, là khâu đột phá của cải cách tư pháp.

“Về một số trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” của Nghị quyết 08–NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị đã chỉ rõ “... nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đảm bảo tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác...” và nghị quyết 49–NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 tiếp tục khẳng định “Nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp...” là những định hướng và yêu cầu thúc đẩy việc nghiên cứu nhiều hơn nữa vấn đề tranh tụng trong hoạt động tố tụng, về chất lượng tranh tụng của Viện Kiểm sát thực hành quyền công tố, mở rộng yếu tố tranh tụng ... và vì vậy, tranh tụng được xác định là một trong những nội dung quan trọng về cải cách tư pháp.

Qua thực tiễn cho thấy nhiều Kiểm sát viên đã thực hiện rất tốt vai trò trước và trong khi tham gia phiên tòa, bình tĩnh, tự tin trong đối đáp tranh luận, thể hiện được bản lĩnh của người thực hành quyền công tố nhà nước. Tuy nhiên bên cạnh đó cần phải nhìn nhận rằng Kiểm sát viên của các Viện kiểm sát nói chung và Viện kiểm sát quân khu 4 nói riêng khi tranh tụng còn có nhiều thiếu sót, chất lượng và

hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của cuộc cải cách tư pháp. Một số Kiểm sát viên khi tranh luận với luật sư và bị cáo chưa có sức thuyết phục, còn né tránh, ngại tranh luận, thậm chí khi “bí” thì chỉ nêu “giữ nguyên quan điểm truy tố”. Một số Kiểm sát viên khi tranh luận không phản bác được quan điểm phản biện của luật sư, bị cáo, không có sức thuyết phục Hội đồng xét xử; có Kiểm sát viên còn lúng túng trong sử dụng từ ngữ và cách lập luận dẫn tới hiệu quả tranh luận không cao. Phong cách, thái độ của một số Kiểm sát viên khi tranh luận còn tỏ ra thiếu bình tĩnh, dẫn đến hạn chế khả năng tranh luận, làm giảm hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật tại phiên tòa nhất là ở các phiên tòa.

Từ thực trạng trên đặt ra việc tiếp tục nghiên cứu vấn đề này về cả hai phương diện lý luận và thực tiễn tranh tụng tại địa bàn Quân khu 4 hiện nay nhằm đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm nói chung và phiên tòa hình sự sơ thẩm của Quân khu 4 nói riêng là hết sức cần thiết bảo vệ tính nghiêm minh của pháp luật.

Do vậy, tác giả chọn đề tài "**Tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm từ thực tiễn xét xử Quân khu 4**" làm đề tài luận văn thạc sỹ luật.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong tố tụng hình sự, tranh tụng giữa các chủ thể có liên quan trong quá trình xử lý tội phạm qua những vụ án hình sự là vấn đề không phải mới trong khoa học pháp lý và được ghi nhận thành nguyên tắc của tố tụng hình sự và áp dụng phổ biến hầu hết các nước trên thế giới. Ở nước ta, tranh tụng chưa được quy định là một trong những nguyên tắc cơ bản của Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành. Quan điểm, chủ trương của Đảng về hoạt động tranh tụng đã được thể chế hóa ở Hiến pháp 2013. Tại khoản 5 Điều 103 Hiến pháp quy định "*Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm*".

Vì vậy, vấn đề áp dụng nguyên tắc tranh tụng, đảm bảo tranh tụng dân chủ giữa các chủ thể mà trong đó có vai trò của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố thể hiện năng lực tranh tụng tại phiên tòa xét xử án hình sự cũng đang thu hút sự

chú ý của các nhà khoa học pháp lý nghiên cứu. Có những công trình và đề tài khoa học về lĩnh vực này, trong đó đáng chú ý như:

* Luận văn Thạc sỹ của Nguyễn Đức Mai về “ Vấn đề tranh tụng trong tố tụng hình sự” – năm 1996. Nội dung luận văn làm rõ tính khoa học và sự cần thiết trong hoạt động tranh tụng, đáp ứng yêu cầu trong quan hệ tố tụng tại phiên tòa xét xử hình sự.

* Luận văn Thạc sỹ luật học của Nguyễn Tiến Long về “ Thực hiện pháp luật đảm bảo nguyên tắc tranh tụng trong xét xử hình sự sơ thẩm ở Việt Nam hiện nay” – năm 2005. Qua nội dung của luận văn đã làm rõ thêm các khái niệm tranh tụng; vai trò, đặc điểm của tranh tụng và nguyên tắc tranh tụng trong xét xử hình sự từ đó đề xuất các giải pháp đảm bảo tranh tụng trong xét xử hình sự sơ thẩm ở nước ta hiện nay.

* Luận văn Thạc sỹ luật học của Hoàng Anh Phương “Năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự ở Việt Nam hiện nay” – năm 2007. Nội dung của luận văn đã phân tích và đánh giá một cách hệ thống cơ sở lý luận năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên; các tiêu chí đánh giá và thực trạng về năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hình sự ở Việt Nam hiện nay và đề xuất các giải pháp để nâng cao năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay;

* Luận văn Thạc sỹ luật học của Đặng Hoàng Tú "Tranh tụng của kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm từ thực tiễn Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai, Hà Nội" - 2015. Nội dung của luận văn làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn, bản chất, nội dung của tranh tụng tại phiên tòa, chỉ ra những bất cập còn tồn tại trong việc tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai qua đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tranh tụng tại phiên tòa của Kiểm sát viên.

* Đề tài khoa học cấp Bộ của Viện khoa học Kiểm sát – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao “Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố

ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay” – năm 1999, đã tập hợp những nghiên cứu so sánh những vấn đề lịch sử và thực tiễn của chế định quyền công tố trong tư pháp hình sự trên thế giới, cũng như việc phân tích khoa học các đặc điểm chủ yếu của mỗi chức năng của quyền công tố trong luật tố tụng hình sự Việt Nam và đưa ra khái niệm khoa học về quyền công tố nhằm góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

* Đề tài khoa học cấp Bộ của Trường đào tạo các chức danh Tư pháp – Bộ Tư pháp “Tranh tụng tại phiên tòa – một số vấn đề lý luận và thực tiễn ” – năm 2003. Nội dung của đề tài làm rõ các vấn đề lý luận liên quan đến tranh tụng tại phiên tòa; đánh giá thực trạng thực hiện tranh tụng và đề ra giải pháp nhằm mở rộng tranh tụng tại phiên tòa nhằm định hướng cho việc xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo chức danh tư pháp ở nước ta.

* Đề tài khoa học cấp Bộ của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn đổi mới thủ tục tranh tụng tại phiên tòa ” – năm 2004. Nội dung chỉ ra một số vấn đề lý luận cơ bản về hệ thống tranh tụng qua phương pháp so sánh với hệ thống tố tụng hình sự thẩm vấn và những quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự cần sửa đổi bổ sung để đáp ứng yêu cầu khi áp dụng tố tụng tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm hình sự.

* “Tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm” của Tiến sỹ Dương Thanh Biểu, Nxb Tư pháp, năm 2007. Đề cập những vấn đề lý luận, vận dụng kiến thức pháp luật, về các trình tự, nội dung liên quan việc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm và qua các ví dụ minh họa đã nêu được những tồn tại, thiếu sót của Kiểm sát viên trong tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm hình sự.

* Đề tài khoa học cấp Bộ của Viện kiểm sát nhân dân tối cao "Chuyên đề tranh tụng và những giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên trong xét xử hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp" - năm 2014. Nội dung của đề tài làm rõ các vấn đề lý luận liên quan đến tranh tụng tại phiên tòa; đánh giá thực trạng hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa và đề ra giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên.

Ngoài ra còn có một số bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành về các vấn đề có liên quan đến tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa...

Qua nghiên cứu các công trình nêu trên thấy rằng từ thực trạng hoạt động tranh tụng của kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự đặt ra việc tiếp tục nghiên cứu có hệ thống, toàn diện, đầy đủ hơn nhằm làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa, qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu đề tài này, tác giả hướng tới mục đích làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn, bản chất, nội dung của tranh tụng tại phiên tòa, chỉ ra những bất cập còn tồn tại trong việc tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm của Tòa án quân sự khu vực 1, Quân khu 4, nguyên nhân của những bất cập và đề xuất những giải pháp thiết thực nâng cao hiệu quả hoạt động tranh tụng tại phiên tòa của kiểm sát viên nhằm đảm bảo phiên tòa hình sự thể hiện đầy đủ tính dân chủ, bình đẳng, khách quan, công khai và qua đó, Hội đồng xét xử ra quyết định, bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; góp phần hoàn thiện các quy định về tranh tụng của Bộ luật tố tụng hình sự, thực hiện cải cách tư pháp, lấy “xét xử là hoạt động trung tâm” theo tinh thần của Nghị quyết 08 và Nghị quyết 49 của Bộ chính trị (Khóa IX).

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận có liên quan đến tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và những yếu tố đảm bảo tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử án hình sự sơ thẩm, phúc thẩm và thực tế thực hiện ở Quân khu 4.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Từ thực tiễn thực hành quyền công tố của Viện Kiểm sát Quân khu 4, luận văn nghiên cứu vấn đề về tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại

phiên tòa hình sự sơ thẩm ở địa bàn Quận 4. Về thời gian nghiên cứu, luận văn chủ yếu tập trung làm rõ những vấn đề có liên quan đến đề tài trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử như phương pháp kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, phương pháp lịch sử cụ thể, phương pháp phân tích tổng hợp. Ngoài ra, còn sử dụng một số phương pháp của các bộ môn khoa học khác như phương pháp so sánh, thống kê kết hợp với khảo sát thực tế.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Kết quả nghiên cứu của luận văn, trong chừng mực, góp phần làm cơ sở tham khảo cho việc nghiên cứu, phục vụ yêu cầu thực tiễn về các tiêu chí đánh giá năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử án hình. Luận văn cũng có thể sử dụng nghiên cứu, tham khảo “đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng ...” theo yêu cầu cải cách tư pháp của Nghị quyết 49 Bộ chính trị (Khóa IX).

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn được trình bày thành 3 chương. Gồm:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận và pháp luật về tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Chương 2: Thực trạng hoạt động tranh tụng của kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ở Quận 4

Chương 3: Yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm từ thực tiễn Quận 4

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TRANH TỤNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM

1.1. Khái niệm, đặc điểm tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

1.1.1. Khái niệm tranh tụng của Kiểm sát viên

Khái niệm tranh tụng được biết đến ngay từ những thời đại xa xưa của xã hội loài người. Loại tố tụng này đã được áp dụng từ thời kỳ Hy Lạp cổ đại. Ở thời đấy, nguyên cáo bị cáo đã được nhờ người thân của mình bào chữa trước tòa án. Sau đó nó được đưa vào La Mã với tên gọi “thủ tục hỏi đáp liên tục”. Cùng với thời gian, tranh tụng tiếp tục được kế thừa, phát triển và từng bước được khẳng định và đến nay nó được áp dụng hầu hết ở các nước thuộc hệ thống luật lục địa cũng như hệ thống luật án lệ.

Cho đến nay, tranh tụng trong TTHS không còn là vấn đề mới, song lại là vấn đề gây nhiều tranh cãi với nhiều cách hiểu khác nhau. Mặc dù hiểu theo cách nào hoặc lý giải theo mô hình tranh tụng nào đi nữa thì các nhà nghiên cứu cũng luôn khẳng định và thừa nhận vấn đề tranh tụng là vấn đề hết sức quan trọng trong hoạt động tố tụng[35,tr20]. Người ta thường đề cập đến nguyên tắc tranh tụng, kiểu tố tụng tranh tụng, mô hình tranh tụng, hệ thống tranh tụng... lý giải vấn đề tranh tụng từ nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu nào đưa ra một khái niệm cụ thể tranh tụng là gì. Trong một số tài liệu, thường người ta thường đề cập đến hệ thống tranh tụng (Adversarial System). Theo từ gốc tranh tụng trong tiếng Anh là “Adversarial” có nghĩa là đối kháng, đương đầu. Như vậy về bản chất tranh tụng là “cuộc đấu” giữa hai bên trong đó tố tụng hình sự (bên buộc tội và bên bị buộc tội) mà giai đoạn đương đầu tại tòa án (tại phiên tòa) là trung tâm, là chính. Tuy nhiên, không nên hiểu một cách giản đơn tranh tụng là tranh luận, tranh cãi giữa hai bên tại phiên tòa, mà hiểu tranh tụng diễn ra trong một quá trình tố tụng lâu dài, được cả hai bên tiến hành một cách quyết liệt để “cạnh

tranh” nhau để “chống” lại nhau. Theo đúng nghĩa, tranh tụng là việc bên buộc tội (công tố) cố gắng để thuyết phục các thành viên Hội đồng xét xử tin rằng bị cáo là người có tội, còn bên bị buộc tội ngược lại, cố gắng và phải sử dụng mọi biện pháp, lý lẽ, căn cứ để biện bạch, bác bỏ những lời buộc tội do bên công tố đưa ra. Và điều đáng lưu ý là trong hệ thống tố tụng tranh tụng gốc, Luật sư của bị cáo có thể bất chấp thủ đoạn để bảo vệ thân chủ bằng mọi giá. Phiên tòa tranh tụng thật sự là một “chiến trường” theo đúng nghĩa của nó khi mà kết cục phiên tòa, chỉ có một bên giành được phần thắng.

Có thể hiểu hệ thống tranh tụng là một hệ thống pháp luật tố tụng, trong đó tòa án không tham gia tích cực vào việc tìm kiếm sự thật của vụ án mà chỉ giữ vai trò trung gian, trọng tài cho “cuộc đấu” giữa bên buộc tội (Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát) và bên bị buộc tội (Luật sư bào chữa và thân chủ của họ) trên con đường tìm công lý. Tranh tụng được hiểu là các hoạt động được thực hiện bởi các bên tham gia tố tụng (bên buộc tội và bên bị buộc tội) có quyền bình đẳng với nhau trong việc thu nhập và đưa ra chứng cứ để bảo vệ các quan điểm và lợi ích của mình và phản bác lại các quan điểm và lợi ích của phía đối lập. Tranh tụng tại phiên tòa là những hoạt động tố tụng được tiến hành tại phiên tòa xét xử bởi hai bên tham gia tố tụng, nhằm bảo vệ ý kiến, luận điểm của mỗi bên và bác bỏ ý kiến, luận điểm của phía bên kia, dưới sự điều khiển, quyết định của Tòa án với vai trò trung gian, trọng tài.

Tố tụng tranh tụng thường được sử dụng rộng rãi ở các quốc gia theo truyền thống án lệ như Anh, Mỹ, Úc và một số quốc gia khác chịu ảnh hưởng của truyền thống pháp luật Anh - Mỹ.

Mặc dù được sử dụng ở nhiều quốc gia, nhưng không phải ở quốc gia nào tố tụng tranh tụng cũng giống nhau. Qua tìm hiểu hệ thống tố tụng hay tranh tụng, có thể hiểu khái niệm về chế định tranh tụng trong tố tụng hình sự như sau: “Chế định tranh tụng trong tố tụng hình sự là tổng hợp các quy phạm pháp luật ghi nhận các nguyên tắc tranh tụng, trình tự thủ tục thực hiện tranh tụng tại phiên tòa, xác định trách nhiệm của các chủ thể tranh tụng và các chế tài xử lý vi phạm thể hiện bản chất dân chủ và nhân đạo của tố tụng hình sự, chi phối và định hướng mọi hoạt

động và hành vi tố tụng của các chủ thể nhằm hướng tới mục tiêu đảm bảo cho quá trình xét xử công bằng, minh bạch và công khai, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên được pháp luật công nhận và bảo vệ đồng thời xác định trách nhiệm của các bên tham gia tố tụng phải triệt để tuân thủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong quá trình tham gia tố tụng”.

Ở Việt nam, trong những năm gần đây, một trong những vấn đề được tranh luận khá sôi nổi trong quá trình nghiên cứu và lập pháp nhằm cải cách thủ tục tố tụng tư pháp hình sự là vấn đề tranh tụng trong tố tụng hình sự. Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” đề ra chủ trương “Nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với Luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác....[2] Tiếp đó, Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” nhấn mạnh việc “Nâng cao chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp”[3]. Trong nội dung cải cách tư pháp, tranh tụng đang là một trong những vấn đề thường xuyên được đề cập đến và cũng còn nhiều ý kiến khác nhau. Đặc biệt khi Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị được ban hành thì vấn đề tranh tụng đã thực sự trở thành vấn đề thời sự, không chỉ được tranh luận tại các hội nghị khoa học và các hội nghị về tư pháp mà còn trở thành một yêu cầu bức thiết trong hoạt động nghiên cứu sửa đổi Bộ luật tố tụng hình sự cũng như trong hoạt động thực tiễn.

Chúng ta có thể nhận xét tranh tụng trên các bình diện dưới đây:

Về mặt lập pháp: khái niệm tranh tụng chưa được chính thức ghi nhận hoặc giải thích trong các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta được ban hành từ năm 1945 đến 2012.

Về mặt ngôn ngữ: theo Đại từ điển tiếng Việt năm 1998 thì tranh tụng có nghĩa là “kiện tụng”; còn theo Hán-Việt tự điển thì tranh tụng có nghĩa là “cãi lẽ, cãi nhau để tranh lấy phải”[9]. Trong tiếng Anh, tranh tụng là "Adversarial", có nghĩa là đối kháng, đương đầu. Tranh tụng diễn ra trong lĩnh vực khác nhau như

tranh tụng trong tố tụng dân sự, tranh tụng trong tố tụng hành chính, kinh doanh thương mại, lao động...

Theo cách giải thích này, thì tranh tụng chính là quá trình giải quyết vụ kiện dân sự theo đó các đương sự được tranh luận về các yêu cầu, các chứng cứ và chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Trong phạm vi luận văn này tác giả chỉ đề cập đến tranh tụng trong TTHS.

Trên cơ sở chủ trương của Đảng về nâng cao chất lượng tranh tụng của KSV trong xét xử hình sự, các quy định của BLTTHS và quy định của Hiến pháp 2013, có thể hiểu về tranh tụng của kiểm sát viên như sau:

Tranh tụng của của kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự là hoạt động của Kiểm sát viên dựa trên nguyên tắc bình đẳng trong việc đưa ra các chứng cứ, lập luận, tài liệu phản bác chứng cứ, lập luận của đối phương để bảo vệ quan điểm truy tố, nhằm thuyết phục HĐXX chấp nhận quan điểm đề xuất của mình, góp phần làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án.

Từ khái niệm trên, ta có thể hiểu về bản chất, quá trình tranh tụng tại phiên tòa là cuộc điều tra và tranh luận công khai giữa hai bên nhằm xác định sự thật khách quan làm cơ sở để Tòa án ra phán quyết về vụ án cho nên bản chất của tranh tụng có thể được hiểu như sau:

- Tranh tụng giữa bên buộc tội và bên bào chữa là cơ sở vận hành của Tố tụng hình sự, tranh tụng là một trong những hoạt động của tố tụng hình sự, cho nên việc hoạt động tranh tụng phải tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự là điều tiên quyết. Chủ thể của tranh tụng bao gồm Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng khác, có xuất phát từ những vị trí pháp lý khác nhau nhưng các chủ thể đều bình đẳng với nhau trong quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, yêu cầu, quan điểm về giải quyết vụ án.

- Trong hoạt động tranh tụng Kiểm sát viên có thể tranh tụng với người bào chữa, với bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác để làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

- Chủ tọa phiên tòa giữ vai trò trọng tài trung lập và có trách nhiệm bảo đảm

các điều kiện cần thiết để các bên buộc tội và bào chữa thực hiện chức năng của mình; là người điều khiển hoạt động tranh tụng. Chủ tọa phiên tòa có quyền yêu cầu các bên tiến hành tranh tụng hoặc chấm dứt hoạt động tranh tụng, điều chỉnh nội dung cũng như phương pháp tranh tụng cho phù hợp với quy định của pháp luật và sự cần thiết làm rõ các vấn đề của vụ án.

- Đối tượng của hoạt động tranh tụng là các quan điểm của các bên đưa ra trong việc giải quyết vụ án và với mục tiêu của hoạt động tranh tụng là nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Sự thật khách quan này bao gồm sự thật như nó đã diễn ra trên thực tế và được nhìn nhận, đánh giá dưới góc độ pháp lý (dưới góc độ đánh giá trên cơ sở pháp luật hình sự và TTHS).

- Các chủ thể tiến hành tranh tụng bằng cách thức là các bên chủ thể tranh tụng sử dụng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chứng cứ mới đưa ra đã được kiểm tra tại phiên tòa dựa trên các quy định của pháp luật hiện hành để làm rõ các đối tượng tranh tụng.

Dưới góc độ coi tranh tụng là hoạt động tư duy, nhận thức; bản chất của tranh tụng có các nội dung sau:

- Tranh tụng được tiến hành trên cơ sở tư duy logic hình thức. Các bên tranh tụng có thể sử dụng các kỹ năng tranh tụng khác nhau để khẳng định quan điểm của mình, bác bỏ quan điểm hoặc thừa nhận quan điểm của các bên tranh tụng đối lập.

- Tranh tụng không chỉ là quyền, là trách nhiệm của các bên tham gia tranh tụng mà còn là một phần sự thật khách quan của vụ án. Nói cách khác, tranh tụng không chỉ là phương tiện để đạt được sự thật khách quan mà tranh tụng còn là một phần của sự thật khách quan của vụ án. Chân lý về vụ án phải tìm thấy, có được thông qua tranh tụng. Tất nhiên, thuộc tính này của tranh tụng là xét về nguyên tắc. Với những vụ án mà bị cáo nhận tội và có đủ chứng cứ để khẳng định lời nhận tội của bị cáo là có cơ sở, tại phiên tòa không có những quan điểm xung đột thì không phát sinh tranh tụng hoặc nếu có chỉ ở mức độ nhất định [36].

- KSV là chủ thể chính của tranh tụng. Tranh tụng vừa là quyền, vừa là trách nhiệm của KSV. Mục đích của tranh tụng của KSV có mục đích trước mắt và mục

đích cuối cùng. KSV tranh tụng trước hết nhằm mục đích bảo vệ tính đúng đắn, khách quan, tính hợp pháp và có căn cứ của quan điểm truy tố (thể hiện trong bản cáo trạng). Nói cách khác, xuất phát điểm của tranh tụng của KSV với những người tham gia tố tụng khác là nhằm bảo vệ tính có căn cứ, hợp pháp của quan điểm truy tố. Tranh tụng của KSV suy cho cùng là nhằm bảo vệ sự thật khách quan của vụ án (chân lý về vụ án). Khi tranh tụng, KSV xuất phát điểm là nhằm bảo vệ quan điểm truy tố, do vậy các luận điểm, luận cứ và luận chứng là nhằm thực hiện mục đích này. Tuy nhiên thông qua tranh tụng, KSV có thể phát hiện ra những nội dung bất hợp lý, thiếu căn cứ hoặc không phù hợp pháp luật của quan điểm truy tố. Nếu đủ cơ sở, KSV sẽ xử lý các tình huống phát sinh nói trên theo qui định của pháp luật TTHS; cụ thể như : Có thể đề nghị HĐXX trả hồ sơ để điều tra bổ sung; rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố; chuyển tội danh nhẹ hơn hoặc thay đổi khung khoản truy tố phù hợp với thẩm quyền xét xử của HĐXX (ở cấp sơ thẩm); hoặc đề nghị huỷ án sơ thẩm để điều tra hoặc xét xử lại hoặc đề đình chỉ tố tụng (ở cấp phúc thẩm).

- Hoạt động tranh tụng của KSV chủ yếu thực hiện tại phiên tòa, tập trung ở giai đoạn tranh luận. Tuy nhiên để tranh tụng tốt thì KSV phải thực hiện đầy đủ và có chất lượng việc xét hỏi, vì xét hỏi chính là để làm rõ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, làm rõ cơ sở để bảo vệ quan điểm truy tố hoặc bảo vệ tính đúng đắn của bản án sơ thẩm trước quan điểm kháng cáo (bản án sơ thẩm này phù hợp với quan điểm truy tố của VKS). Nhìn chung, để đảm bảo tranh tụng có chất lượng tốt thì KSV phải đáp ứng được các điều kiện bắt buộc để tranh tụng, phải thực hiện tốt nhiều hoạt động mang tính chất chuẩn bị trước khi tham gia phiên tòa, phải có các kỹ năng nghiệp vụ khi tham gia tranh tụng, có tinh thần trách nhiệm, có lương tâm và danh dự nghề nghiệp.

1.1.2 Đặc điểm tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Thứ nhất, Đây là cuộc điều tra công khai với sự tham gia đầy đủ của các chủ thể thuộc bên buộc tội, bên gỡ tội và những người tham gia tố tụng khác dưới sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa và giám sát của Hội đồng xét xử. Tại đây các chứng cứ, tài liệu về vụ án được các chủ thể của các bên và Hội đồng xét xử kiểm

tra, đánh giá công khai trên cơ sở các quy định của pháp luật.

Thứ hai, Trong hoạt động tranh tụng luôn có sự bình đẳng của KSV thực hành quyền công tố với bị cáo, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác. Bình đẳng ở đây là bình đẳng trên cơ sở quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng. Sự bình đẳng này không hẳn là sự bình đẳng thực tế về địa vị pháp lý cũng như không có nghĩa là các bên có quyền và nghĩa vụ như nhau do bên bào chữa và bên buộc tội thực hiện các chức năng khác nhau trong TTHS, nhất là tại phiên tòa, sự bình đẳng này được hiểu là bình đẳng về phương diện tố tụng khi cả hai đều có tư cách tố tụng là người tham gia phiên tòa, đều được pháp luật quy định có các quyền ngang nhau để thực hiện hiệu quả các chức năng của mình.

Thứ ba, Hoạt động tranh tụng được tiến hành theo một trình tự, thủ tục nghiêm ngặt, phức tạp và bị hạn chế về mặt không gian (chỉ có thể thực hiện tại phiên tòa) và thời gian (trong thời gian diễn ra phiên tòa) do pháp luật quy định;

HĐXX phải có phương pháp điều hành hợp lý và tạo điều kiện cho việc tranh luận đó tại phiên tòa, tranh việc thiên vị đối với bất kỳ bên nào. Cần xác định rằng vấn đề cơ bản của nguyên tắc tranh tụng là phải tạo ra cơ chế để các bên Nhà nước và bị cáo cũng như Luật sư của họ tranh luận, đưa ra các chứng cứ buộc tội hay gỡ tội. Do đó, tranh luận tại phiên tòa là phần việc rất quan trọng, người bào chữa, bên bị buộc tội và bên buộc tội có quyền tranh luận dân chủ, công khai và bình đẳng theo quy định của Luật TTHS hiện hành. Tranh luận đòi hỏi KSV, Luật sư bào chữa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác phải đối đáp về từng vấn đề vấn đề một cách rành mạch, rõ ràng, tránh việc tranh luận chung chung, không đi vào trọng tâm nội dung chủ yếu của vụ án và KSV phải trả lời trực tiếp, không được né tránh nhằm đảm bảo tính minh bạch trong tranh luận.

Thứ tư, Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu đã được kiểm tra, xác minh tại phiên tòa và quan điểm, kết quả tranh tụng về án của các bên về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án, Tòa án xác định sự thật khách quan và ra phán quyết về vụ án (bản án hoặc quyết định) của HĐXX. Phán quyết của Tòa án là hình thức pháp lý ghi nhận kết quả tranh tụng giữa bên buộc tội và bên bào chữa về vụ án.

Phán quyết của HĐXX phải căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa dù cho kết quả này có thể khác với toàn bộ hoặc một số chi tiết cụ thể trong kết luận điều tra, trong bản cáo trạng truy tố. Trong quá trình xét xử tại phiên tòa hình sự được tổ chức và thực hiện theo một trình tự, thủ tục nghiêm ngặt, phần tranh luận tại phiên tòa thường thu hút sự chú ý đặc biệt của công chúng và quan tâm nhiều đến vấn đề các cơ quan và người tiến hành tố tụng thực hiện pháp luật như thế nào để đảm bảo tính công minh của bản án trong quá trình tranh tụng và sẽ bị nghi ngờ, chê trách nếu bản án, quyết định của Tòa án sơ thẩm bị cấp phúc thẩm cải, sửa và nhất là bị hủy quá nhiều. Điều đó cũng chứng tỏ tranh tụng tại phiên tòa của cấp có án bị hủy là chưa thực hiện tốt. Trên cơ sở tranh tụng, HĐXX xem xét những quan điểm nào được coi là đúng đắn, hợp lý để ra phán quyết một cách khách quan dù có khác biệt gì với kết luận điều tra, cáo trạng quy buộc tội trạng của VKS.

1.1.3 Ý nghĩa của tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.

Tranh tụng tại phiên tòa là một trong những nội dung có ý nghĩa rất quan trọng trong hoạt động tố tụng hình sự, là vấn đề có tính thời sự được xã hội quan tâm. Tranh tụng tại phiên tòa hình sự không chỉ là yêu cầu của việc bảo đảm tính dân chủ, công bằng giữa những người tham gia tố tụng với Viện kiểm sát, mà kết quả tranh tụng tại phiên tòa là căn cứ để Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự xác định sự thật vụ án.

1.2. Quy định của pháp luật về tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

1.2.1 Quy định của Hiến pháp sửa đổi năm 2013 về tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Nguyên tắc là tư tưởng có giá trị làm nền tảng, làm cơ sở cho những thiết chế và hoạt động. Nguyên tắc trong một quan hệ pháp luật tố tụng là những tư tưởng pháp lý làm nền tảng, làm cơ sở cho việc xây dựng và thực thi pháp luật trong lĩnh vực tố tụng đó.

Điều 103 Hiến pháp năm 2013 quy định “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”. Nội hàm của nguyên tắc tranh tụng có các nội dung cơ bản sau:

+ Hoạt động xét xử phải bảo đảm tranh tụng giữa KSV với những người tham gia tố tụng khác; tranh tụng là trọng tâm của hoạt động xét xử;

+ Các bên tranh tụng bình đẳng với nhau về quyền đưa ra tài liệu, chứng cứ, yêu cầu; đưa ra các luận điểm, luận cứ và luận chứng của mình; bình đẳng trong đối đáp, tranh luận, chứng minh, bác bỏ quan điểm lẫn nhau.

+ KSV và người tham gia tranh tụng phải tranh tụng với tinh thần trách nhiệm, trên cơ sở chứng cứ khách quan và qui định của pháp luật; với tinh thần tôn trọng lẫn nhau, có văn hoá ứng xử.

+ Bản án và quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các luận điểm, luận cứ và luận chứng của các bên tranh tụng.

+ Tòa án có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện, thực thi các qui định của pháp luật theo qui định của BLTTHS để các bên tham gia tranh tụng.

Tại khoản 5 điều 103 Hiến pháp 2013 quy định: “*nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo*”, đây là lần đầu tiên, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được ghi nhận thành một nguyên tắc trong Hiến pháp, đây là một trong những đổi mới đáng chú ý. Việc hiến định nguyên tắc tranh tụng mang nhiều ý nghĩa, cụ thể:

+ Từ trước tới nay vấn đề tranh tụng và nâng cao chất lượng tranh tụng được quan tâm và đề cập tới nhiều. Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương về vấn đề này, cụ thể: Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới, Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Nghị quyết 37/NQ-QH13 ngày 23/11/2012[4]. Pháp luật TTHS hiện hành cũng có nhiều quy định chứa đựng nội dung của nguyên tắc tranh tụng như quy định nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo, nguyên tắc suy đoán vô tội, nguyên tắc xác định sự thật vụ án, nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa, các quy định về quyền và nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng, các quy định về tranh luận tại phiên tòa. Đặc biệt, Điều 222 BLTTHS năm 2003 quy định “*Khi nghị án chỉ được căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại*

phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của KSV, bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa"[23,Đ222].

Mặc dù vậy, các quy định trên có thiếu tính cụ thể, nhất là chưa có văn bản pháp lý nào chính thức ghi nhận nguyên tắc bảo đảm và cơ chế bảo đảm tranh tụng trên thực tiễn hoạt động chưa phát huy hiệu quả. Do vậy, việc Hiến pháp quy định cụ thể, rõ ràng nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử là một bước tiến lớn và rất phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp của Nhà nước ta. Quy định nguyên tắc tranh tụng trong Hiến pháp đã thể chế hóa được chủ trương của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp.

+ Hiến pháp sửa đổi năm 2013 quy định chính thức về nguyên tắc bảo đảm tranh tụng, sẽ tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của cán bộ tư pháp, của công dân trong quá trình thực hiện quyền năng khi tham gia tranh tụng. Đồng thời tục tiến xét xử thay đổi, với bước tiến mới trọng tâm là hoạt động tranh tụng được bảo đảm, phát huy tối đa tính công bằng, dân chủ.

Quy định nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong Hiến pháp tạo sự chuyển biến mạnh mẽ cả về nhận thức lẫn trong công việc xét xử. Những quy định pháp luật TTHS hiện hành đã và đang phát huy hiệu lực trên thực tiễn của công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Công tác điều tra, truy tố, xét xử ngày càng hiệu quả, việc tranh luận tại phiên tòa bảo đảm tính dân chủ, khách quan,

+ Hiến pháp là đạo luật gốc, văn bản pháp lý có hiệu lực cao nhất. Do vậy, khi Hiến pháp quy định về nguyên tắc bảo đảm tranh tụng thì nhưng quy định trong bộ luật, luật, các văn bản dưới luật phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, tạo sự thống nhất trong việc vận dụng pháp luật, đặc biệt đòi hỏi cần xây dựng quy định cụ thể về phương thức bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử. Việc quy định nguyên tắc tranh tụng trong Hiến pháp thật sự là tiền đề để xây dựng và hoàn thiện các quy định về bảo đảm tranh tụng trong các văn bản pháp luật tố tụng.

1.2.2. Những quy định của BLTTHS 2003 về tranh tụng của kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Nghiên cứu BLTTHS 2003 cho thấy tuy nguyên tắc tranh tụng chưa được ghi

nhận là một nguyên tắc cơ bản trong TTHS Việt Nam, nhưng tinh thần của nó đã được thể hiện ở một số điều của BLTTHS 2003, là cơ sở pháp lý cho hoạt động tranh tụng của KSV tại phiên tòa xét xử hình sự.

***Về các nguyên tắc bảo đảm tranh tụng tại phiên tòa**

Để hoạt động tranh tụng được thực thi trong thực tế theo quy định của pháp luật, BLTTHS tiếp tục ghi nhận một số nguyên tắc cơ bản của TTHS Việt Nam vốn được xem là những nguyên tắc tiên bộ của mô hình tranh tụng. Đó là:

- Nguyên tắc "*Không ai bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật*" [23, Đ9]. Nguyên tắc này nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của người dân, tránh định kiến, suy diễn trong quá trình xác định sự thật khách quan của vụ án. Nguyên tắc này đòi hỏi và yêu cầu bên buộc tội phải tham gia tranh tụng nhằm đưa ra những lý lẽ, chứng cứ sự buộc tội của mình là có căn cứ. Nguyên tắc này cũng xác định vai trò "trọng tài" của Tòa án, khẳng định chỉ có Tòa án mới có quyền đưa ra phán quyết bằng bản án xác định có tội hay không có tội và áp dụng hình phạt thích hợp.

- Nguyên tắc "*Xét xử công khai*" [23, Đ18]: Việc xét xử của Tòa án được tiến hành công khai chính là một đảm bảo cho hoạt động tranh tụng tại phiên tòa được đảm bảo thực hiện. Giữ vai trò đại diện cho VKS, trước sự chứng kiến của công chúng, KSV sẽ thực hiện tốt hơn trọng trách của mình trong việc bảo vệ cáo trạng. Cuộc tranh luận chính thức và công khai cũng là động lực để các chứng năng buộc tội và gỡ tội được thực hiện một cách tích cực nhất.

- Nguyên tắc "*Bảo đảm quyền bào chữa người bị tạm giữ, bị can, bị cáo*" [23, Đ 11]: Thực hiện nguyên tắc này cũng chính là bảo đảm cho việc thực hiện chức năng bào chữa – đối trọng với chức năng buộc tội trong TTHS. Hai chức năng này không tồn tại song song mà nó còn đối lập và chế ước nhau tạo ra một cơ chế tranh tụng có hiệu quả nhất trong hoạt động tố tụng nhằm giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Để bảo đảm quyền bào chữa tại phiên tòa được thực hiện một cách tối đa, Tòa án chỉ được xét xử vắng mặt bị cáo trong một số trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 187 BLTTHS.

- Nguyên tắc "*Thực hiện chế độ xét xử có Hội thẩm tham gia*" [23, Đ16]: Sự độc lập của thẩm phán là điều kiện cơ bản để bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người dân. Nguyên tắc này là căn cứ để Thẩm phán, Hội thẩm thực hiện quyền tự do xét xử theo lương tâm và pháp luật, từ chối mọi sự can thiệp bên ngoài vào công việc xét xử. Đồng thời, nó cũng thể hiện địa vị pháp lý độc lập của cơ quan tài phán giữa hai chức năng buộc tội và bào chữa trong TTTHS.

- Nguyên tắc "*Bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án*" [23, Đ19]: Sự thật của vụ án chỉ có thể được xác định khách quan, toàn diện và đầy đủ khi thẩm phán, hội thẩm coi trọng mọi loại nguồn chứng cứ, mọi lập luận về các tình tiết của vụ án cũng như mọi lập về dẫn chiếu quy định của pháp luật. Do đó, nguyên tắc này chính là cơ sở pháp lý để các bên buộc tội và gỡ tội tranh tụng bình đẳng, dân chủ tại phiên tòa. Đồng thời, buộc Tòa án phải tôn trọng, tạo điều kiện để các bên thực hiện quyền bình đẳng.

*** Về các chủ thể thực hiện tranh tụng**

Để thực hiện tranh tụng tại phiên tòa, các chủ thể thuộc bên buộc tội và bên bào chữa tiếp tục được BLTTTHS năm 2003 quy định những quyền và nghĩa vụ pháp lý nhất định.

Điều 50 BLTTTHS quy định bị cáo có quyền: được nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; quyết định đình chỉ vụ án; bản án, quyết định của Tòa án; các quyết định tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này; quyền được tham gia phiên tòa; được giải thích về quyền và nghĩa vụ.

Thực hiện nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, Điều 58 BLTTTHS năm 2003 quy định người bào chữa có quyền tham gia tố tụng ngay từ khi có quyết định tạm giữ trong trường hợp bắt người theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Bộ luật này. Bên cạnh việc tiếp tục ghi nhận các quyền cơ bản của người bào chữa, BLTTTHS 2003 đã quy định khá nhiều các quyền mới cho người bào chữa như: có mặt khi lấy lời khai của người bị tạm giữ, xem các biên bản về hoạt động tố tụng có sự tham gia của mình và quyết định tố tụng liên quan đến

người mà mình bào chữa; đề nghị CQĐT báo trước về thời gian và địa điểm hỏi cung bị can để có mặt khi hỏi cung bị can; sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa; được khiếu nại hành vi tố tụng của người có quyền tiến hành tố tụng;

Ngoài các quyền trên, BLTTHS 2003 cũng quy định người bào chữa có nghĩa vụ sử dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để làm sáng tỏ những tình tiết xác định người bị tạm giữ, bị can, bị cáo vô tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo; Người bào chữa không được từ chối bào chữa cho bị cáo mà mình đã cảm nhận, nếu không có lý do chính đáng; không được tiết lộ bí mật mà mình biết được trong khi làm nhiệm vụ...

Quyền và nghĩa vụ của bị đơn dân sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ được quy định tại Điều 53 BLTTHS nhằm bảo đảm cho họ có thể bảo vệ được các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. BLTTHS năm 2003 đã chú trọng tới mở rộng tranh tụng tại phiên tòa với quy định bị đơn dân sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền “trình bày ý kiến tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn“ tại điểm đ, khoản 2, Điều 53.

Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể thuộc bên bào chữa còn được quy định tại một số điều luật khác của BLTTHS như: Điều 10, Điều 24, Điều 62, Điều 201, Điều 207, Điều 212, Điều 215, Điều 247...

Đối với các chủ thể của chức năng buộc tội tại phiên tòa như VKS (KSV), người bị hại, nguyên đơn dân sự và người đại diện hợp pháp của họ, BLTTHS cũng quy định những quyền, nghĩa vụ pháp lý cụ thể.

Theo quy định của BLTTHS thì VKS có các quyền và nghĩa vụ sau: có trách nhiệm chứng minh tội phạm (Điều 10); áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ; làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo; bảo đảm cho bị can, bị cáo thực hiện quyền bào chữa (Điều 11); giải thích và bảo đảm cho người tham gia tố tụng thực hiện các quyền và nghĩa vụ (Điều 62); thu thập, xem xét và đánh giá chứng cứ

(các Điều 65 và 66);

Ngoài ra, BLTTHS năm 2003 đã dành riêng một Điều luật để quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của KSV được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng. Điều 37 của Bộ luật đã quy định cụ thể về hoạt động của KSV tại phiên tòa “đọc cáo trạng, quyết định của VKS liên quan đến việc giải quyết vụ án; hỏi, đưa ra chứng cứ và thực hiện việc luận tội; phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, tranh luận với những người tham gia tố tụng tại phiên tòa“. Song hành với quyền công tố, KSV tham gia phiên tòa có quyền “kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án, của những người tham gia tố tụng và kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án”.

Người bị hại, nguyên đơn dân sự tham gia tố tụng để thực hiện chức năng buộc tội ở một mức độ nhất định. Để các chủ thể này có thể thực hiện chức năng của mình trong TTHS, pháp luật giành cho họ những quyền và nghĩa vụ tố tụng nhất định được quy định tại các Điều: 51, 52 và một số điều khác của BLTTHS. Các điều luật nhằm nhấn mạnh đến quyền „trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp”, “quyền khiếu nại quyết định hành vi tố tụng của cơ quan người có thẩm quyền tiến hành tố tụng” của các chủ thể này. Bộ luật cũng quy định rõ nghĩa vụ của nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là “trình bày trung thực những tình tiết trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình“.

*** Về trình tự, thủ tục tranh tụng**

Dù còn nhiều quan điểm khác nhau về thời điểm bắt đầu của hoạt động tranh tụng tại phiên tòa nhưng phần lớn các quan điểm đều xác định hoạt động này được khởi động ngay từ phần thủ tục bắt đầu phiên tòa. Bởi vì, theo quy định tại Điều 179 BLTTHS thì “Chủ tọa phiên tòa phải hỏi KSV và những người tham gia tố tụng xem có ai đề nghị triệu tập thêm người làm chứng hoặc đề nghị đưa thêm vật chứng và tài liệu ra xem xét hay không. Nếu có người tham gia tố tụng vắng mặt thì chủ tọa phiên tòa cũng phải hỏi xem có ai đề nghị hoãn phiên tòa hay không. Nếu có người yêu cầu thì HĐXX xem xét và quyết định”.

Thủ tục xét hỏi được quy định gồm 11 Điều, tại Chương XX của Bộ luật với trình tự xét hỏi như sau:

Khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước rồi đến các Hội thẩm, sau đó KSV, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự. Những người tham gia phiên tòa cũng có quyền đề nghị với chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về tình tiết cần làm sáng tỏ. Người giám định được hỏi những vấn đề liên quan đến việc giám định [23, Đ 17].

Thủ tục tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm được kế tiếp ngay sau thủ tục xét hỏi, được BLTTHS quy định tại 5 điều từ 217 đến Điều 221. Đây có thể xem là giai đoạn trung tâm của quá trình tranh tụng. Bởi vì, lần đầu tiên hai bên buộc tội và bên gỡ tội, trước sự chứng kiến của HĐXX, công khai thực hiện chức năng của mình bằng việc đưa các lý lẽ và lập luận.

Mở đầu cuộc tranh luận, KSV trình bày lời luận tội, Điều 217 BLTTHS quy định “Luận tội của KSV phải căn cứ vào những tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa“. Như vậy, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, KSV sẽ đánh giá chứng cứ để quyết định theo ba hướng: hoặc là bảo vệ toàn bộ cáo trạng đã truy tố hoặc là bảo vệ một phần cáo trạng đã truy tố hoặc không bảo vệ được cáo trạng và rút toàn bộ quyết định truy tố. Trên cơ sở BLTTHS và Bộ luật hình sự, luận tội của KSV phải xác định được đâu được xem là chứng cứ, đâu không được xem là chứng cứ và xác định yếu tố của cấu thành tội phạm. Ngoài ra, kết quả xét hỏi chính là lập luận để làm rõ vai trò của bị cáo trong vụ án, tính chất, mức độ và hậu quả của vụ án cũng như tính chất, mức độ của hành vi của bị cáo. Để việc đề xuất mức án cho tội danh của bị cáo được chính xác, luận tội của KSV còn phải làm rõ các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của bị cáo.

Tiếp theo lời buộc tội của vị đại diện VKS là những lập luận bên bào chữa phải gỡ tội. Trước tiên, người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa và tập trung vào lập luận truy tố của KSV đã đúng người, đúng tội, đúng tội, đúng pháp luật chưa? Nếu chưa thì ý kiến của người bào chữa là gì? Bào chữa cho bị cáo còn

phải xét đến các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo đã được đề cập đủ chưa, nếu còn sai sót về các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo nào quy định tại Khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự thì phải bổ sung. Người bào chữa của bị cáo có quyền kiến nghị với HĐXX những đặc điểm nhân thân hoặc những tình tiết khác có lợi cho mình làm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Tiếp đó, bị cáo có quyền bổ sung cho lời bào chữa của người bào chữa. Nếu người bào chữa đã trình bày đầy đủ các chứng cứ và ý kiến bảo vệ cho bị cáo thì bị cáo không bổ sung ý kiến bào chữa. Ngược lại, nếu lời bào chữa hời hợt, bỏ sót các chứng cứ và tình tiết có lợi cho bị cáo sẽ trình bày ý kiến bổ sung cho lời bào chữa nhiều hơn.

Cuộc tranh luận tiếp dẫn với sự tham gia của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp hoặc người bảo vệ quyền lợi cho họ được trình bày ý kiến của họ về cách giải quyết vụ án; bổ sung mức đề nghị của KSV hoặc bác bỏ đề xuất của KSV về các phân giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi của họ.

Đối đáp giữa những người tham gia tranh luận được quy định tại Điều 218 BLTTHS năm 2003: *“Bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến về luận tội của KSV và đưa ra đề nghị của mình; KSV phải đưa ra những lập luận của mình đối với từng ý kiến”*. Quy định mới này đã xác định rõ trách nhiệm đối đáp lại, tranh luận lại với bên bào chữa của KSV tại phiên tòa. Theo tinh thần của Nghị quyết 08-NQ/TW, ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị Ban chấp hành TW Đảng thì “kết quả tranh tụng” chính là cơ sở để HĐXX ra phán quyết. Do vậy, việc quy định trách nhiệm đối đáp của KSV chính là nhằm nâng cao tính tranh tụng tại phiên tòa.

Điều luật cũng quy định rõ: *“Chủ tọa phiên tòa có quyền đề nghị KSV phải đáp lại những ý kiến có liên quan đến vụ án của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được KSV tranh luận”*. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là, trong trường hợp dù được đề nghị, KSV vẫn không tham gia tranh luận thì hậu quả pháp lý là gì? Chế tài áp dụng như thế nào? Có thể và cần phải xem

việc KSV không tranh luận, không đáp lại được lập luận của bên tham gia tranh tụng chính là sự thừa nhận, đồng tình với lập luận của họ.

Điều 192 BLTTHS năm 1988 quy định “*Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác nhưng chỉ được phát biểu một lần với mỗi ý kiến mà mình không đồng ý*” [21]. Tranh luận nhằm hướng tới việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Chân lý, sự thật khách quan của vụ án không thể làm sáng tỏ chỉ bằng một câu nói, một ý kiến mà có thể phải qua rất nhiều bước, nhiều tầng bậc mới có thể làm sáng tỏ. Quy định này của Điều luật đã hạn chế sự có sát các quan điểm, lập luận – vốn là phương pháp được sử dụng công khai và hữu hiệu nhất tại phiên tòa hình sự - giữa các bên tranh tụng.

BLTTHS năm 2003 đã có sự sửa đổi phù hợp: “*Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho người tham gia tranh luận bày hết ý kiến, nhưng có quyền cắt những ý kiến không có liên quan vụ án*”.

Với những sửa đổi trong quy định về đối đáp tại phiên tòa, BLTTHS năm 2003 đã chứng minh xu hướng tăng cường tranh tụng tại phiên tòa theo đường lối của Đảng, nhà nước.

Tranh luận tại phiên tòa kết thúc khi bị cáo có lời nói sau cùng, quy định tại Điều 220 BLTTHS năm 2003. Quyền được nói lời sau cùng trước khi nghị án là một trong những bảo đảm pháp lý quan trọng để bị cáo thực hiện quyền bào chữa của mình, là quyền đặc thù mà pháp luật chỉ giành riêng cho bị cáo. Khi nói lời sau cùng, HĐXX không được đặt câu hỏi đối với bị cáo nhưng có quyền yêu cầu bị cáo không được trình bày những điểm không liên quan đến vụ án. HĐXX không được hạn chế thời gian nói lời sau cùng đối với bị cáo. Tuy nhiên HĐXX cũng cần phải nhắc bị cáo phát biểu ngắn, gọn và không lặp lại dài dòng những ý kiến đã được tranh luận. Qua phát biểu của bị cáo, HĐXX có thêm niềm tin nội tâm để cân nhắc đối với việc giải quyết vụ án.

Tại phần nghị án và tuyên án. Điều 222 BLTTHS đã chỉ rõ “*các phán quyết của HĐXX phải dựa trên cơ sở các chứng cứ và tài liệu đã được kiểm tra tại phiên*

tòa, trên cơ sở xét hỏi đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của KSV, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa“. Hay nói cách khác, phán quyết của HĐXX phải dựa trên kết quả tranh luận bình đẳng giữa KSV, bị cáo với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa.

Qua việc phân tích một số quy định của BLTTHS năm 2003 có thể thấy TTHS nước ta là tố tụng thẩm vấn nhưng đã đan xen các yếu tố tranh tụng trong quá trình tố tụng, nổi bật là tranh tụng tại phiên tòa.

Tuy nhiên, từ thực tiễn thi hành BLTTHS năm 2003 cũng đã bộc lộ vướng mắc, bất cập ví dụ như:

Từ năm 2002, thuật ngữ “tranh tụng” lần đầu tiên xuất hiện ở Nghị quyết số 08/NQ-TW. Tuy nhiên, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 vẫn chưa ghi nhận nguyên tắc tranh tụng là một nguyên tắc cơ bản trong hoạt động tố tụng hình sự. Bên cạnh đó, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 mặc dù thể hiện được tính tranh tụng ở một số nội dung, nhưng những quy định còn mang nặng tính thẩm vấn. Vì thế, trên thực tiễn thời gian qua, sự thống nhất thực hiện việc nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa vẫn chưa được đảm bảo. Thủ tục tố tụng tại phiên tòa chưa thể hiện được đầy đủ yêu cầu tranh tụng theo yêu cầu cải cách tư pháp: Điều 207 quy định trình tự xét hỏi “Thẩm phán hỏi trước, sau đó đến Kiểm sát viên” đã làm cho Kiểm sát viên tham gia phiên tòa không chủ động tiến hành xét hỏi để bảo vệ cáo trạng; các quy định của Bộ luật về tranh luận giữa Kiểm sát viên với các bên trong phiên tòa còn hạn chế do số lượng Kiểm sát viên có mặt trong phiên tòa chỉ quy định tối đa hai người (Điều 189) là không tương xứng với số lượng lớn bị cáo, luật sư có mặt tại phiên tòa. Không quy định thời điểm người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày lời buộc tội đối với các vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại trong thủ tục tranh luận (Điều 217).

Vấn đề sửa đổi các quy định về tranh tụng trong tố tụng hình sự là đòi hỏi cần thiết, khách quan của việc cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013, yêu cầu cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị, đảm bảo hiệu quả trong công tác phòng, chống oan, sai và bỏ lọt tội phạm. Vì vậy, Bộ luật tố

tụng hình sự năm 2015 đã có nhiều quy định sửa đổi, bổ sung về nội dung này, cụ thể như sau:

Đi vào các chương, dễ dàng nhận thấy BLTTHS 2015 đã chú trọng tăng quyền cho bị can, bị cáo, người bào chữa nhằm đảm bảo quyền gỡ tội cho các chủ thể này. Cụ thể, bị can, bị cáo có một số quyền im lặng, quyền đưa ra chứng cứ, tiếp cận đọc, ghi chép bản sao hồ sơ vụ án... để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đặc biệt, một số quyền năng quan trọng phục vụ cho việc tranh tụng như quyền thu nhập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ cũng như đã trao cho người bào chữa (trước đây chưa có tiền lệ). Nhưng rào cản về trình tự, thủ tục gặp mặt bị can, bị cáo, đọc hồ sơ, cấp giấy chứng nhận bào chữa được thay bằng thủ tục đăng ký bào chữa gọn nhẹ cũng tạo điều kiện hành nghề cho bên gỡ tội...

Bên cạnh đó, Bộ luật cũng đã trao cho thẩm phán, tòa án một số quyền năng trước đây chỉ dành cho CQĐT như quyền thu nhập chứng cứ, trưng cầu giám định, định giá, thực nghiệm điều tra... nhằm đảo bảo tính độc lập, không lệ thuộc vào chứng cứ do CQĐT, VKS cung cấp.

Tại Điều 26 quy định: *"Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, kiểm tra, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan vụ án.*

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án hình sự do Viện kiểm sát chuyển đến Tòa án để xét xử phải đầy đủ và hợp pháp. Phiên tòa xét xử vụ án hình sự phải có mặt đầy đủ những người theo quy định của Bộ luật này, trường hợp vắng mặt phải vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ trước Tòa án.

Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự để xác định tội danh, quyết định mức hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị

cáo, xử lý vật chứng và các tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa [24,Đ26].

Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Như vậy, Bộ luật hình sự hình sự năm 2015 đã dành ra một điều riêng để quy định một cách cụ thể phạm vi tranh tụng được thực hiện xuyên suốt trong quá trình từ khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và nội dung tranh tụng cụ thể gồm "*Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự... các tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa*" [24,Đ26].

Đối với vấn đề tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, Bộ luật hình sự 2015 đã quy định một cách thể tại Điều 322 đã nêu rõ đối tượng tham gia tranh luận, nội dung được phép tranh luận gồm "*Bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ, tài liệu và những lập luận của mình để đối đáp với Kiểm sát viên về những chứng cứ buộc tội, gỡ tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt; trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án*"[24,Đ322]. Đồng thời quy định rõ trách nhiệm một cách cụ thể là tại phiên tòa thì Chủ tọa không được hạn chế thời gian tranh luận, phải tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại và những người tham gia tố tụng khác tranh luận, trình bày hết ý kiến, nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án và các ý kiến lặp lại. Về trách nhiệm của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng được sửa đổi theo hướng nâng cao trách nhiệm, tăng tính chủ động, tích cực của Kiểm sát viên trong việc tranh tụng tại phiên tòa khi quy định "*Chủ tọa phiên tòa yêu cầu Kiểm sát viên phải đáp lại những ý kiến của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được Kiểm sát viên tranh luận*"[24,Đ26].

Bộ luật TTHS 2015 đã nhập thủ tục xét hỏi tại phiên tòa với thủ tục tranh luận tại phiên tòa (Chương XX và Chương XXI BLTTHS năm 2003) thành “thủ tục tranh luận tại phiên tòa” (Mục XXI-Xét xử sơ thẩm) nhằm cụ thể hóa nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo, đảm bảo việc tranh tụng không chỉ thể hiện ở phần tranh luận mà còn được thể hiện ngay phần xét hỏi.

Nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp Điều 279 BLTTHS 2015 trong đó quy định rõ trách nhiệm của tòa án trong việc giải quyết yêu cầu của kiểm sát viên, người tham gia tố tụng về việc cung cấp, bổ sung chứng cứ; triệu tập người làm chứng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng khác đến phiên tòa, bảo đảm phiên tòa có đầy đủ các chủ thể tố tụng; các chứng cứ tài liệu, đồ vật được đưa đến tòa án để xét xử phải đầy đủ và hợp pháp.

Nhằm khắc phục tình trạng chất lượng tranh tụng còn hạn chế ở một số phiên tòa có đông bị cáo, có nhiều luật sư tham gia; Điều 289 BLTTHS 2015 sửa đổi theo hướng không hạn chế số lượng Kiểm sát viên; trong đó quy định rõ: *kiểm sát viên viện kiểm sát cùng cấp phải có mặt để thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa. Đối với vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp thì có thể có nhiệm vụ kiểm sát viên; số lượng cử thể kiểm sát viên do Viện trưởng viện Viện kiểm sát cùng cấp quyết định, trên cơ sở căn cứ có tính chất, đặc điểm của từng vụ án.*

Để đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo, đồng thời nhấn mạnh việc tôn trọng ý chí của bị cáo trong trường hợp bị cáo nhận thấy sự vắng mặt của người bào chữa không ảnh hưởng đến quyền tự bào chữa và khắc phục tình trạng phải hoãn phiên tòa nhiều lần do vắng mặt người bào chữa như hiện nay; Điều 291 BLTTHS 2015 sửa đổi quy định về sự có mặt của người bào chữa theo hướng quy định rõ: *Trường hợp người bào chữa vắng mặt lần thứ nhất vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì tòa án phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Nếu người bào chữa vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan hoặc được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì Tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử.*

Để khắc phục tình trạng trong thực tế nhiều phiên tòa, bị cáo không nhận tội và cho rằng việc khai tại Cơ quan điều tra là do bị ép cung, bức cung; và đảm bảo tính thống nhất với quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014; ngoài ra, để phục vụ cho việc tranh tụng và làm rõ các tình tiết của vụ án tại phiên tòa BLTTHS 2015 đã bổ sung quy định sự có mặt của Điều tra viên tại phiên tòa với tư cách là người điều tra vụ án(Điều 296) để góp phần làm rõ chứng cứ hoặc những vấn đề có liên quan đến vụ án, bảo đảm các chứng cứ được đưa ra có tính thuyết phục cao hơn; Điều 313 BLTTHS 2015 còn bổ sung quy định về việc sử dụng các phương tiện khoa học kỹ thuật tại phiên tòa, cụ thể là *trường hợp cần kiểm tra chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án hoặc khi bị cáo tố bị bức cung, dùng nhục hình, Hội đồng xét xử quyết định việc cho nghe, xem nội dung được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh liên quan tại phiên tòa*; trường hợp cần thiết, *Tòa án quyết định hỏi người làm chứng qua mạng máy tính, mạng viễn thông* (Đ311); ngoài ra Bộ luật còn bổ sung quy định về sự có mặt của người định giá tài sản (Điều 294) để trình bày các vấn đề liên quan đến việc định giá; bổ sung quy định về sự có mặt của người phiên dịch, người dịch thuật (Điều 295).

Ngoài ra, một trong những điểm mới nổi trội của BLTTHS 2015 về tranh tụng so với quy định của BLTTHS năm 2003 đó là về trình tự xét hỏi. Ở BLTTHS 2003 trình tự xét hỏi còn đặt nặng trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về Hội đồng xét xử, Điều 207 quy định: *khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước rồi đến các Hỏi thẩm, sau đó đến Kiểm sát viên, người bào chữa* ; Việc quy định cho Hội đồng xét xử hỏi trước không phù hợp với nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, cũng như không phù hợp với việc chủ động của Kiểm sát viên là chủ thể chính trong việc tham gia tranh tụng và chứng minh sự thật khách quan trong vụ án, BLTTHS 2015 sửa đổi, bổ sung theo hướng Hội đồng xét xử phải xác định đầy đủ những tình tiết về từng sự việc, từng tội trong vụ án và từng người. Chủ tọa phiên tòa điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý. Khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước sau đó quyết định để Thẩm phán,

Hội thẩm, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của đương sự hỏi (Điều 307).

Để tạo ra một cơ chế thực sự dân chủ và bình đẳng tại phiên tòa, tạo điều kiện để các bên tham gia tranh tụng thực hiện một cách có hiệu quả nhất Bộ luật TTHS 2015 đã quy định *khi được Chủ tọa phiên tòa đồng ý, bị cáo được đặt câu hỏi với bị cáo khác, hỏi người làm chứng, hỏi bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ về các vấn đề liên quan đến bị cáo* (Điều 309, 310 và 311).

Vấn đề đảm bảo việc duy trì "tranh tụng" trong các phiên tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm cũng được Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quy định tại các Điều 354, 386, 407. Có thể khẳng định Bộ luật hình sự 2015 lần này đã sửa đổi, bổ sung một cách toàn diện về nguyên tắc tranh tụng và các điều kiện đảm bảo nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự.

Kết luận chương 1

Tranh tụng của Kiểm sát viên trong phiên tòa hình sự sơ thẩm ở Việt Nam là khái niệm rộng và phức tạp, việc nghiên cứu về nó góp phần thống nhất nhận thức về bản chất, nội dung, ý nghĩa của tranh tụng. Điều này hết sức quan trọng cho hoạt động tư pháp ở nước ta. *"Tranh tụng tại phiên tòa hình sự là hoạt động của bên buộc tội và bên gỡ tội, dựa trên nguyên tắc bình đẳng trong việc đưa ra các chứng cứ, lập luận của mình để phản bác chứng cứ, lập luận của đối phương nhằm thuyết phục HĐXX chấp nhận quan điểm đề xuất của mình, góp phần làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án"*.

Tranh tụng có giá trị rất lớn trong việc làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Cũng chính vì lẽ đó, Bộ chính trị đã có Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 2/1/2002 "Về một số trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới", trong đó nhiệm vụ nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án là khâu trung tâm, đột phá, thông qua việc nâng cao tính dân chủ khách quan trong tranh tụng tại phiên tòa. Đi đôi với nhiệm vụ đó thì việc nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan điều tra, Viện kiểm

sát và các cơ quan hỗ trợ tư pháp cũng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để sao cho “... nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đảm bảo tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác...” và nghị quyết 49–NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 tiếp tục khẳng định “Nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp...” là những định hướng và yêu cầu thúc đẩy việc nghiên cứu nhiều hơn nữa vấn đề tranh tụng trong hoạt động tố tụng, về chất lượng tranh tụng của Viện Kiểm sát thực hành quyền công tố, mở rộng yếu tố tranh tụng ... và vì vậy, tranh tụng được xác định là một trong những nội dung quan trọng về cải cách tư pháp.

Chương 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TRANH TỤNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM Ở QUÂN KHU 4

2.1. Khái quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của Quân khu 4

2.1.1 Đặc điểm tự nhiên

Quân khu 4 thuộc Bắc Trung bộ, gần cửa ngõ phía Nam Thủ đô Hà Nội, nằm ở phía Tây Thái Bình Dương, cùng chung dãy Trường Sơn hùng vĩ với nước bạn Lào anh em. Mảnh đất này, với điều kiện địa lý và điều kiện xã hội, từ thuở dựng nước đã là địa bàn chiến lược quan trọng, nơi phát tích của nhiều cuộc khởi nghĩa. Lịch sử còn ghi mãi chiến công oanh liệt của Triệu Trinh Nương chống quân Ngô thế kỷ thứ 3, Mai Thúc Loan đánh quân Đường tại vùng Sa Nam (Nam Đàn); Lê Lợi cùng các nhân tài về đất "Lam Sơn tụ nghĩa" đánh giặc Minh...

Là một địa bàn hiểm yếu, kéo dài từ Tam Điệp đến Hải Vân; địa thế dài và hẹp dần về phía Nam, nơi hẹp nhất chỉ có 50 km, địa hình phức tạp, núi non hiểm trở. Cả 6 tỉnh đều có biên giới trên bộ và biển, với tổng chiều dài 1.227,8 km đường biên giới trên bộ và 722 km bờ biển. Đây là địa bàn rất dễ chia cắt chiến lược trong các cuộc chiến tranh [41].

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, nơi đây đã từng bị chia cắt, điển hình là 2 cuộc chia cắt lịch sử : Thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh, lấy sông Gianh làm giới tuyến và giai đoạn 1954 - 1975 khi bị đế quốc Mỹ xâm lược, đất nước tạm thời chia làm 2 miền và giới tuyến tạm thời là Vĩ tuyến 17. Trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay quân khu là một trong những địa bàn chống phá quyết liệt của bọn đế quốc và các thế lực thù địch.

Chính những yếu tố này làm cho địa bàn Khu 4 qua các thời kỳ luôn là địa bàn chiến lược quan trọng hiểm yếu của cả nước.

2.1.2 Đặc điểm kinh tế xã hội

Quân khu 4 với đặc điểm tự nhiên có 06 tỉnh có biên giới trên bộ và biển, với tổng chiều dài 1.227,8 km đường biên giới trên bộ và 722 km bờ biển, cho nên đây là một trong những quân khu đang trên đà phát triển của đất nước.

Hiện nay, trên các địa bàn trọng điểm ven biển thuộc Quân khu 4 đã hình thành nhiều khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung gắn với các khu đô thị mới. Chuỗi khu công nghiệp, đô thị này đã thu hút một nguồn nhân lực lao động lớn, hình thành các khu dân cư đông đúc, mật độ cao. Đây là một đặc thù của Quân khu 4, là yếu tố tạo tiềm năng lớn để quân khu xây dựng thế trận Quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn. Tuy nhiên đi kèm với thuận lợi là những khó khăn xuất phát từ tính chất phức tạp thường có trong các khu đô thị mới hình thành.

Trong những năm qua, các tỉnh trên địa bàn quân khu 4 đã vươn lên phát triển khá toàn diện về nhiều mặt, trong đó kinh tế luôn tăng trưởng cao. Đặc biệt cơ cấu kinh tế đang có chiều chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp - hóa hiện đại hóa với tỷ trọng giá trị thương mại du lịch - công nghiệp ngành càng phát triển. Nông nghiệp phát triển theo chiều sâu với các loại cây có giá trị cao được đưa vào thâm canh tạo ra sản lượng hàng hóa cho thu nhập cao...

Nền kinh tế thị trường phát triển nhanh chóng, bên cạnh việc tạo ra bộ mặt mới cho toàn thể các tỉnh trên địa bàn quân khu 4 cũng phát sinh nhiều tiêu cực. Trước hết phải đến ảnh hưởng của kinh tế thị trường với sự tăng trưởng kinh tế, mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế, sự du nhập lối sống phương tây... đã tác động làm thay đổi nhiều quan điểm đạo đức truyền thống tốt đẹp, hình thành tâm lý tham lam, háms lợi, muốn làm giàu bằng mọi cách, kể cả bằng các việc làm phi pháp trong bộ phận dân cư. Nền kinh tế thị trường giải phóng mọi năng lực sản xuất, tạo điều kiện cho con người làm giàu chính đáng. Một lớp người nhanh nhạy, nắm bắt được cơ hội làm giàu lên nhanh chóng, bên cạnh đó có một số bộ phận khác thềm muốn cuộc sống giàu sang nhưng lại không chịu làm ăn chính đáng, thậm chí lười lao động chỉ muốn làm giàu nhanh chóng và bằng mọi cách có tiền để phục vụ cuộc

sống cá nhân ăn chơi trác táng. Những người này sẵn sàng làm những việc bất chính để kiếm tiền như trộm cắp, lừa đảo, buôn lậu, buôn bán hàng giả, giết người, cướp tài sản, buôn ma túy, buôn bán phụ nữ và trẻ em... Chính điều này làm cho một số nhóm tội phạm gia tăng nhanh chóng, đặc điểm nhóm tội phạm sở hữu.

Ngoài ra, với tổng chiều dài 1.227,8 km đường biên giới, trải dài trên các vùng rừng núi hiểm trở tạo điều kiện cho tội phạm ma túy hoành hoành cho nên Quân khu 4 được xác định là một trong những địa bàn trọng điểm về ma túy của cả nước. Trong những năm qua, tình hình tội phạm ma túy trên địa bàn các tỉnh vẫn diễn biến phức tạp. Trong đó nổi lên tội phạm ma túy có yếu tố nước ngoài, trang bị vũ khí “nóng” tổ chức mua bán ma túy ở khu vực biên giới, với phương thức, thủ đoạn hoạt động hết sức tinh vi và liều lĩnh.

Với việc phát triển kinh tế mạnh mẽ ở các thành phố lớn, các vùng đồng bằng nhưng khó khăn, nghèo nàn lạc hậu ở các vùng núi làm cho tình hình tội phạm ở địa bàn quân khu 4 diễn ra hết sức phức tạp. Quá trình đô thị hóa ở các thành phố lớn dẫn tới sự gia tăng nhanh chóng về dân số, đặc biệt là dân số cơ học. Mật độ dân cư đông đúc, nhất là dân nhập cư từ các huyện, tỉnh về thành phố lớn mang theo nhiều phương tiện giao thông. Cùng với đó là hành vi thiếu văn hóa của nhiều người sử dụng phương tiện giao thông và tham gia giao thông diễn ra khá phổ biến: sử dụng rượu bia trước khi tham gia giao thông, đi không đúng phân đường, đi ngược chiều, lạng lách, vượt xe, chuyển làn trái quy định, không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu tham gia giao thông... dẫn đến nhiều vi phạm về quy định điều kiện phương tiện giao thông đường bộ. Nhiều vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng đã xảy ra gây thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng cho người dân.

2.1.3. Tình hình tội phạm

Như đã phân tích ở trên, từ đặc điểm đặc trưng của kinh tế- xã hội, lực lượng vũ trang Quân khu 4, với quân số đông đóng quân trải dài trong tất cả các tỉnh ở trên địa bàn Quân khu, đóng quân ở những địa bàn hiểm trở, tình hình kinh tế chính trị phức tạp. Dù thường xuyên quan tâm, quán triệt, quản lý giáo dục bộ đội nhưng

không thể tránh khỏi nhưng sai sót nên tình hình quân nhân vi phạm pháp luật vẫn thường xuyên diễn ra.

Bảng 2.1: Số liệu các hành vi có dấu hiệu tội phạm liên quan đến Quân đội do Viện kiểm sát quân sự Quân khu 4 nắm và quản lý

Vi phạm quy định về quy định về điều khiển phương tiện GTĐB	164 vụ/ 164 người
Cố ý gây thương tích	25 vụ/ 29 người
Phá hủy công trình quan trọng về an ninh quốc gia	16 vụ/ 19 người
Trộm cắp tài sản	08 vụ/ 11 người
Đánh bạc	07 vụ/ 37 người
Tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có	04 vụ/ 04 người
Cướp tài sản	04 vụ/ 14 người
Trốn khỏi nơi giam	03 vụ/ 08 người
Chống người thi hành công vụ	03 vụ/ 08 người
Giết người	02 vụ/ 02 người
Chiếm đoạt, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí	02 vụ/ 02 người
Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức	02 vụ/ 02 người
Cướp giết tài sản	01 vụ/ 01 người
Vận chuyển hàng cấm	01 vụ/ 01 người
Gây rối trật tự công cộng	01 vụ/ 04 người
Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	01 vụ/ 01 người
Chiếm giữ trái phép tài sản	01 vụ/ 01 người
Tham ô tài sản	01 vụ/ 01 người
Làm mất vũ khí quân dụng	01 vụ/ 01 người
Giao cấu với trẻ	01 vụ/ 01 người
Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	01 vụ/ 02 người
Tổng	249 vụ/ 313 người

Nguồn: [42]

Theo số liệu do Viện kiểm sát quân sự Quân khu 4 nắm, quản lý và xử lý, trong năm 5 qua trên địa bàn Quân khu 4 xảy ra 249 vụ/ 313 người có dấu hiệu tội phạm liên quan đến Quân đội.

Trong đó: do người Quân đội quản lý gây ra 135 vụ/ 136 người; do người ngoài quân đội gây ra 101 vụ/ 154 người, do người Quân đội quản lý và người ngoài Quân đội cùng gây ra 12 vụ/25 người. Chưa xác định 01 vụ.

Số người do quân đội quản lý thực hiện: 149 người, gồm 36 sỹ quan, 69 quân nhân chuyên nghiệp, 05 công nhân viên chức quốc phòng, 07 lao động hợp đồng, 32 hạ sỹ quan chiến sỹ. Người ngoài Quân đội thực hiện: 164.

Hậu quả: Làm chết 126 người, có 85 quân nhân; bị thương 181 người, có 89 quân nhân; làm hư hỏng 86 xe ô tô, 148 xe mô tô và 02 xe đạp; chiếm đoạt 01 khẩu súng AK, 36 viên đạn K56, 02 hộp tiếp đạn và một số tài sản khác trị giá gần 4 tỷ đồng; làm mất 03 khẩu súng ngắn K54 và 01 khẩu súng tiểu liên AK; tàng trữ trái phép 01 khẩu K54 và 20 viên đạn K51; vận chuyển trái phép 4.000 bao thuốc lá ngoại.

Qua số liệu thống kê cho thấy, trong 21 loại hành vi có dấu hiệu tội phạm nêu trên, xảy ra nhiều là: vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ; Cố ý gây thương tích; phá hủy công trình quan trọng về an ninh quốc gia; trộm cắp tài sản; đánh bạc; cướp tài sản; tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có; trốn khỏi nơi giam; giết người; chiếm đoạt; tàng trữ; sử dụng trái phép vũ khí; chống người thi hành công vụ; làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức.

Đối tượng phạm tội chủ yếu là người ngoài quân đội $164/313= 0,52\%$. Đối tượng do quân đội quản lý xảy ra nhiều là quân nhân chuyên nghiệp $69/149= 0,46\%$; sỹ quan $36/149= 0,24\%$; hạ sỹ quan chiến sỹ: $34/149= 0,22\%$, đối tượng khác $12/149= 0,08\%$.

Hàng năm, tình hình tội phạm liên quan đến quân đội trên địa bàn Quân khu có nhiều hướng giảm, nhưng chưa thật cơ bản vững chắc. Tội phạm xảy ra có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ quan vẫn là chính, đó là: do nhận thức pháp luật một bộ phận người dân và quân nhân còn hạn chế; ý thức tự giác chấp hành

pháp luật chưa cao; một số ít lười lao động, thích đua đòi, tiêu xài cá nhân dẫn đến phạm tội[42].

2.2. Những kết quả hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự Quân khu 4 tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

2.2.1 Những kết quả đạt được từ hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự Quân khu 4

Chất lượng, hiệu quả tranh tụng của Kiểm sát viên viện kiểm sát quân sự Quân khu 4 tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ngày càng có nhiều chuyển biến tích cực; công tác đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm đạt hiệu quả. Hoạt động thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên ý thức ngày càng tốt, trách nhiệm hơn vừa thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành, vừa phục vụ yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cấp uỷ địa phương và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị công tác hàng năm của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về mảng công việc này.

Trong những năm qua, thực hành quyền công tố tại phiên toà xét xử án hình sự, Kiểm sát viên đều thể hiện được trách nhiệm tham gia thẩm vấn, luận tội có căn cứ để bảo vệ việc buộc tội, tranh luận với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng, làm rõ thêm những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, những nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm ... để Hội đồng xét xử cân nhắc khi ra bản án, quyết định.

Thực tế cho thấy, tại phiên toà sơ thẩm, trước áp lực công việc, công luận, yêu cầu áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội từ khung hình phạt và tội danh của Bộ luật hình sự ... cùng với việc công khai tranh luận với người tham gia tố tụng, luôn tạo ra những thúc ép, buộc Kiểm sát viên thực hành quyền công tố phải có chuẩn bị kỹ từ việc nghiên cứu hồ sơ, trích cứu lập tiểu hồ sơ, chuẩn bị những vấn đề dự kiến thẩm vấn, tranh luận và chuẩn bị kỹ bản luận tội ... ; Do làm tốt công tác nghiên cứu hồ sơ, chuẩn bị tốt cho hoạt động xét xử như việc xây dựng đề cương xét hỏi, dự kiến các nội dung tranh luận, tham gia xét hỏi, tranh luận đối đáp tích cực và có trách nhiệm, trên cơ sở nắm vững các quy định của pháp luật, nên quan điểm của các Viện thuộc Viện kiểm sát quân sự Quân khu 4

được hội đồng xét xử chấp nhận với tỷ lệ cao.

Ngoài ra, trong những năm qua, trên địa bàn Quân khu 4 không có trường hợp nào Kiểm sát viên từ chối không tranh luận, đối đáp với luật sư, người bào chữa. Điều đó được cho là góp phần bảo đảm phán quyết của Tòa án khách quan chính xác, đúng sự thật, không bỏ lọt tội phạm, hạn chế các trường hợp oan sai.

Bảng 2.2 Số lượng vụ án Tòa án quân sự Quân khu 4 đã xét xử và tỷ lệ số vụ Tòa án chấp thuận quan điểm của VKS (2011-2015)

Năm	2011	2012	2013	2014	2015
SL vụ án đã xét xử	53	62	42	54	44
SL vụ TA chấp nhận quan điểm VKS	53	62	42	54	44
Tỷ lệ %	100	100	100	100	100

Nguồn: [42]

Với sự phối hợp chặt với các ngành, được sự chỉ đạo của cấp trên, sự quan tâm lãnh đạo của cấp uỷ và Ban chỉ đạo cải cách tư pháp và sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ, Kiểm sát viên trong từng đơn vị nên nhiều năm qua, năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên toà xét xử án hình sự sơ thẩm đã nâng được chất lượng thật sự. Công tác thực hành quyền công tố luôn gắn với nhiệm vụ phục vụ nhiệm vụ chính trị ở Quân khu, chú trọng đến công tác xét xử lưu động những vụ án điểm, bình quân mỗi năm xét xử hơn 20 vụ đã góp phần tuyên truyền, giáo dục pháp luật, phòng ngừa tội phạm, ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Những năm qua, không có trường hợp nào bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra, chưa có trường hợp nào phải xử lý Kiểm sát viên và phải bồi thường.

Xác định hoạt động tranh tụng là khâu đột phá theo tinh thần cải cách tư pháp, do vậy lãnh đạo Viện kiểm sát quân sự Quân khu 4 đã quan tâm đến việc chuẩn bị bản luận tội, bản kết luận. Bên cạnh quy định chung của Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Viện kiểm sát quân sự Trung Ương về cách thức xây dựng văn bản, Viện kiểm sát Quân sự Quân khu 4 còn tổ chức tập huấn, lựa chọn các văn bản

có chất lượng để làm mẫu cho Kiểm sát viên. Ngoài ra, còn thường xuyên tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm, các phiên tòa giả định qua đó để nâng cao kỹ năng viết bản luận tội và bản kết luận cho kiểm sát viên. Đa số các bản luận tội tại phiên tòa đều đáp ứng những yêu cầu như nêu tóm tắt được nội dung vụ án, viện dẫn chứng cứ chứng minh khẳng định được tính có căn cứ của quyết định truy tố, phân tích được nguyên nhân, động cơ, điều kiện phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; phân tích vai trò, tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo, đánh giá được nhân thân, nêu và đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự; nhận định, phân tích căn cứ giải quyết bồi thường, xử lý vật chứng. Bên cạnh việc chuẩn bị kỹ nội dung bản luận tội hoặc bài phát biểu quan điểm, tại phiên tòa, nhiều KSV rèn luyện cho mình tác phong chững chạc, tự tin, cách trình bày quan điểm mềm dẻo, thấu tình đạt lý, thái độ đúng mực.

Trong công tác lập hồ sơ kiểm sát của Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự Quân khu 4 đã cơ bản đã tuân thủ quy định tại Quyết định số 07/QĐ- VKSTC ngày 12/01/2006. Ở giai đoạn sơ thẩm, Kiểm sát viên đã nắm chắc toàn bộ diễn biến của vụ án, trích cứ, sao chụp các chứng cứ buộc tội, gỡ tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS.... Nhìn chung Kiểm sát viên đã xây dựng đề cương xét hỏi theo Quy chế thực hành quyền công tố và KSXX các vụ án hình sự ban hành kèm Quyết định số 960 ngày 17/9/2007 của Viện trưởng VKSNDTC. Đa số đề cương gắn với việc nghiên cứu hồ sơ vụ án, dự kiến đầy đủ các tình huống có thể phát sinh tại phiên tòa. Nhiều đề cương được xây dựng có chất lượng tốt.

Xét hỏi là một trong những hoạt động đột phá, bước đầu thể hiện khả năng tranh tụng của Kiểm sát viên. Trong những năm qua Viện kiểm sát quân sự quân khu 4 đã tập trung nâng cao chất lượng xét hỏi của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Kinh nghiệm cho thấy, trong quan hệ với việc xét hỏi của Thẩm phán và HĐXX, KSV tham gia xét hỏi trong các trường hợp: HĐXX chưa hỏi đến, hỏi về vấn đề có mâu thuẫn chứng cứ, hỏi về vấn đề tuy đã được HĐXX hỏi nhưng chưa rõ và hỏi để chuẩn bị cho tranh tụng. Việc xét hỏi để chuẩn bị cho tranh tụng là trường hợp qua nghe người bào chữa hỏi bị cáo, người bị hại, KSV đã dự đoán ra những vấn đề,

những tình huống mà người bào chữa sẽ dựa vào để tranh luận với KSV sau này, do vậy KSV xét hỏi về những vấn đề cần thiết, qua đó làm cơ sở để khi tranh luận, KSV sẽ sử dụng những tình tiết mới được xét hỏi, kiểm tra để làm cơ sở tranh luận với Luật sư. Trong thực tiễn, khi xét hỏi, HĐXX cho dù có xét hỏi nhiều thì cũng rất ít khi xét hỏi hết tất cả các vấn đề liên quan, cần thiết. Do vậy vẫn có “đất” để cho KSV xét hỏi, làm rõ các vấn đề chưa được HĐXX hỏi đến hoặc chưa rõ. Viện quân khu 4 có kinh nghiệm là sau khi HĐXX đã xét hỏi, KSV vẫn tham gia xét hỏi để chốt lại các vấn đề, làm cơ sở cho tranh luận.

Trọng tâm của phiên tòa xét xử là tranh luận của Kiểm sát viên với những người tham gia tố tụng khác. Đa số các KSV đã thực hiện nghiêm túc việc tranh luận theo qui định tại Điều 218, Điều 247 BLTTHS, Điều 17 Luật tổ chức VKSND, các Điều 24, 41 Quy chế công tác THQCT & KSXX các vụ án hình sự. Trong nhiều phiên tòa, do nghiên cứu kỹ hồ sơ, nghiên cứu kỹ căn cứ pháp luật, ghi chép đầy đủ và kịp thời diễn biến và những vấn đề, những tình tiết mới xuất hiện tại phiên tòa, Kiểm sát viên đối đáp và làm rõ từng vấn đề luật sư đưa ra với lập luận sắc bén, có căn cứ, phản bác lại quan điểm của luật sư. Bên cạnh đó, nhiều KSV có thái độ nghiêm túc, cầu thị, sẵn sàng tiếp thu các quan điểm, luận cứ và luận chứng của người tranh luận đối lập khi thấy có lý, hợp pháp; ví dụ như tiếp thu các tình tiết giảm nhẹ mới và đề nghị HĐXX công nhận, bổ sung khi đánh giá TNHS với bị cáo. Các điểm mới phát sinh sau khi xét hỏi và tranh luận được KSV ghi chép và bổ sung kịp thời và dự thảo quan điểm của VKS (bản luận tội hoặc bài phát biểu quan điểm của KSV).

Khi tranh luận, có nhiều Kiểm sát viên đã tự học hỏi, tổng hợp và xây dựng cho mình nhiều kỹ năng tốt: Kỹ năng hỏi, lắng nghe và tổng hợp ý kiến, kỹ năng chứng minh, kỹ năng phản biện, bác bỏ; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong tranh luận

Văn hóa pháp lý trong tranh luận cũng được các Kiểm sát viên chú ý khi tham gia tranh luận. Thực tế khá nhiều phiên tòa trước đây diễn ra hai thái cực, hoặc là Kiểm sát viên né tránh, ngại tranh luận, giữ thái độ im lặng, hoặc tranh luận thì áp đặt, chụp mũ một cách khiên cưỡng, không có cơ sở, không thuyết phục; thái

độ và ngôn từ tranh luận gay gắt, đao to búa lớn, không còn ý nghĩa tranh luận, luận bàn mà nhiều khi mang tính “tranh cãi”, “đôi co”, làm mất đi tính nghiêm minh trong xét xử. Nhiều Kiểm sát viên có khả năng trình bày tốt, nội dung tranh luận ngắn gọn súc tích, dễ hiểu, thái độ tranh luận khiêm tốn, không châm biếm, cao giọng, không mặt sát, kích động mà mềm dẻo, thuyết phục.

2.2.2 Nguyên nhân của kết quả

Để có được những kết quả trong hoạt động của Kiểm sát viên thuộc các Viện kiểm sát quân sự Quân khu 4 phải kể đến những nguyên nhân sau:

Thứ 1, nhận thức đúng đắn của Lãnh đạo và của Kiểm sát viên về tranh tụng

Nâng cao chất lượng tranh tụng của KSV trong xét xử hình sự luôn luôn là vấn đề nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo Viện kiểm sát quân sự Quân khu 4. Lãnh đạo các cấp Kiểm sát cũng đã có sự quan tâm, đề ra các biện pháp, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng của KSV

Sự thay đổi về nhận thức trong chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo VKS các cấp đến sự thay đổi tích cực trong nhận thức của KSV về tranh tụng. Nhận thức tranh tụng không chỉ là quyền mà còn là trách nhiệm nên Kiểm sát viên đã chủ động, tích cực thực hiện việc tranh luận tại phiên tòa. Bản chất của tranh tụng, mục đích ý nghĩa của việc tranh luận, giới hạn, phạm vi tranh tụng, các nội dung, yêu cầu đề ra khi tham gia tranh luận cũng đã được các KSV nhận thức rõ rệt hơn. Nhiều KSV có ý thức trách nhiệm cao, luôn tự học hỏi, rèn luyện cho mình các kỹ năng tranh tụng. Việc nhận thức đầy đủ, đúng đắn về tranh tụng là nguyên nhân cơ bản dẫn đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động tranh luận của KSV.

Thứ hai: Việc đầu tư cho công tác cán bộ đã được chú trọng

Trong các năm qua, chất lượng cán bộ ngày càng được nâng lên. Cán bộ được bổ nhiệm Kiểm sát viên đều đáp ứng đầy đủ các quy định về đạo đức, phẩm chất, năng lực, trình độ theo quy định tại Điều 2, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 Pháp lệnh Kiểm sát viên. Nhiều Viện kiểm Sát quân sự đã bố trí đủ lực lượng cho công tác THQCT và KSXXHS; trong đó có nhiều KSV có năng lực, có nhiều năm kinh nghiệm công tác thực hành quyền công tố và KSXXHS. Ngoài ra, trong

nhưng năm gần đây, số lượng cán bộ, Kiểm sát viên đi học nâng cao trình độ ngày càng cao, số lượng cán bộ kiểm sát viên là thạc sĩ chiếm 30% [38].

2.3. Những hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của hạn chế thiếu sót

2.3.1. Những tồn tại, hạn chế trong tranh tụng của Kiểm sát viên

** Vẫn còn tình trạng Kiểm sát viên chưa làm tốt công tác chuẩn bị cho hoạt động xét xử, ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng tại phiên tòa*

Để làm tốt công tác THQCT và KSCXX tại phiên tòa, đòi hỏi KSV phải làm tốt công tác nghiên cứu hồ sơ, xây dựng hồ sơ và các việc khác phục vụ cho phiên tòa. Tuy nhiên trên thực tế vẫn còn không ít hồ sơ xây dựng chưa đảm bảo quy định của ngành, thiếu các tài liệu phục vụ cho việc tranh tụng, phô trương lan, không trích cứu, trích dẫn các chứng cứ quan trọng, việc sắp xếp thứ tự bút lục thiếu khoa học... Nhiều KSV không chuẩn bị Đề cương xét hỏi, trong đó dự kiến những vấn đề cần làm rõ hơn tại phiên tòa. Việc chuẩn bị bản luận tội (ở cấp sơ thẩm) trong một số vụ án chưa đạt yêu cầu. Bản luận tội tuy chỉ là văn bản mang tính nghiệp vụ, được yêu cầu KSV phải chuẩn bị trước khi tham gia phiên tòa để thể hiện quan điểm của VKS về việc truy tố, đồng thời đưa ra các luận cứ, luận chứng để làm cơ sở đưa ra đề nghị áp dụng trách nhiệm hình sự (hình phạt, biện pháp tư pháp, bồi thường thiệt hại...) đối với bị cáo. Tuy nhiên, đây là văn bản quan trọng, làm tiền đề cho việc tranh luận tại phiên tòa, do vậy bản luận tội phải được chuẩn bị kỹ, nội dung đầy đủ các luận điểm, luận cứ và luận chứng có tính thuyết phục. Bản luận tội phải được xây dựng như một khuôn mẫu cho bản án sơ thẩm sau này của HĐXX. Tuy nhiên trên thực tế, nhiều bản luận tội còn sao chép cơ bản (thậm chí là nguyên văn) bản cáo trạng; phân tích sơ sài, không làm rõ các nội dung cần xem xét, kết luận; kết cấu không hợp lý. Hạn chế thường thấy là các bản luận tội chỉ nêu luận điểm mà rất ít có luận cứ và luận chứng đầy đủ để chứng minh cho luận điểm đã nêu. Một số trường hợp (thường xảy ra ở các KSV lâu năm làm công tác xét xử nên có tư tưởng chủ quan) không viết luận tội hoặc bản phát biểu mà ra phiên tòa “nói vo”, không cần chuẩn bị trước. Điều này là vi phạm quy định của ngành về công tác

lập hồ sơ kiểm sát, đồng thời hệ quả của nó là chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên toà không cao.

**** Chất lượng xét hỏi của KSV còn hạn chế***

Theo qui định của Bộ luật TTHS, xét hỏi là thủ tục tố tụng tại phiên toà nhằm kiểm tra công khai các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, làm rõ các mâu thuẫn (nếu có) của các chứng cứ cũng như để kiểm tra các chứng cứ mới được cung cấp tại phiên toà. Về trình tự xét hỏi, Điều 207 Bộ luật TTHS qui định Chủ toạ phiên toà hỏi trước, sau đó đến các Hội thẩm và sau đó là KSV và những người tham gia tố tụng khác như Luật sư bào chữa...Do vậy khi đến lượt KSV tham gia xét hỏi thì có hai khả năng xảy ra: Khả năng thứ nhất là các thành viên HĐXX đã xét hỏi rất kỹ về các vấn đề của vụ án; khả năng thứ hai là HĐXX chỉ hỏi sơ sài, còn nhiều vấn đề chưa được làm rõ. Vì vậy, cần xác định rõ việc KSV tham gia xét hỏi tại phiên toà là để làm rõ những vấn đề của vụ án nhằm để có cơ sở bảo vệ (cũng là để kiểm tra) quan điểm truy tố thể hiện trong cáo trạng (ở cấp sơ thẩm) hoặc để chuẩn bị cho phát biểu quan điểm (ở phiên toà phúc thẩm). Vì vậy về nguyên tắc, KSV có trách nhiệm tham gia xét hỏi để làm rõ những vấn đề mà HĐXX chưa hỏi, hoặc HĐXX đã xét hỏi nhưng chưa làm rõ, hoặc hỏi về những vấn đề có mâu thuẫn giữa chứng cứ trong hồ sơ với lời khai tại phiên toà mà chưa được làm rõ. Ngoài ra, KSV có thể xét hỏi để khái quát, tổng hợp lại và khẳng định lại các vấn đề đã được xét hỏi tại phiên toà để làm cơ sở cho việc bảo vệ quan điểm của mình.

Qua thực tiễn xét xử ở quân khu 4, còn nhiều trường hợp KSV tham gia hoạt động xét hỏi chất lượng chưa cao; thể hiện qua việc không chú ý theo dõi việc xét hỏi của các thành viên HĐXX nên hỏi lặp lại, hỏi về những vấn đề không trọng tâm, không có mâu thuẫn (hỏi cho có). Khi KSV hỏi hoặc nghe HĐXX hỏi có những tình tiết mới nhưng không được tiếp thu và sửa đổi kịp thời vào trong bản luận tội (ở phiên toà sơ thẩm) hoặc trong bài phát biểu của KSV (ở phiên toà phúc thẩm); thái độ và ngôn từ sử dụng khi xét hỏi còn nhiều hạn chế.

*** Chất lượng tranh tụng trong nhiều phiên tòa còn hạn chế, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp**

Từ thực tiễn xét xử ở Quân khu 4 có thể thấy, vai trò của Kiểm sát viên trong tranh tụng tại nhiều phiên tòa vẫn chưa đạt yêu cầu. Một số phiên tòa, Kiểm sát viên ngại xét hỏi, ngại tranh luận khiến phiên tòa diễn ra tẻ nhạt. Kiểm sát viên tuy không hẳn từ chối tranh luận nhưng né tránh những vấn đề khó của những người tham gia tố tụng. Tình trạng này xảy ra ngay cả trong những vụ án lớn, phức tạp, dư luận quan tâm, nhiều luật sư tham gia bào chữa. Việc ghi chép, theo dõi các thông tin, tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa còn hạn chế dẫn đến việc tranh tụng, xét hỏi, đề xuất quan điểm giải quyết vụ án không thuyết phục. Văn hóa trong tranh luận ở một số phiên tòa chưa đáp ứng yêu cầu, nhiều phiên tòa chưa thực sự dân chủ. Một số KSV khi tranh luận không trên cơ sở quy định của pháp luật mà mang nặng tính hơn thua, cay cú, chỉ trích, thiếu bình tĩnh trong tranh tụng [36].

Một trong những cơ sở để KSV tranh tụng với người tham gia tố tụng là hệ thống chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên do những nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan nên KSV không nghiên cứu kỹ hồ sơ, vì vậy khi người tham gia tranh tụng đưa ra những chứng cứ trong hồ sơ để dùng làm cơ sở cho quan điểm của họ thì KSV nắm không vững chứng cứ đó, không rõ chứng cứ này tại bút lục bao nhiêu, nội dung của nó là gì? Nó có ý nghĩa gì trong việc giải quyết vụ án...do vậy không thể đối đáp lại người tranh tụng. Thái độ này của KSV gây bức xúc cho người tham gia tranh tụng nên họ yêu cầu KSV phải đối đáp lại, làm rõ thêm, gây căng thẳng trong tranh luận. Bên cạnh hệ thống chứng cứ, các qui định của pháp luật cũng là cơ sở để các bên tranh tụng tranh luận, đối đáp lẫn nhau. Nhiều trường hợp các bên tranh tụng đều nắm rõ nội dung và các qui định của văn bản pháp luật nhưng tranh luận với nhau về những vấn đề khác như: Hiệu lực của văn bản, về giá trị pháp lý của văn bản, về quan hệ giữa văn bản này với các văn bản khác có liên quan v.v...Nhiều KSV đã lúng túng khi tranh tụng về những vấn đề nói trên.

2.3.2 Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại

Một là, Quy định pháp luật chưa đầy đủ, chưa phù hợp

Mặc dù pháp luật TTHS hiện hành của chúng ta đã có những quy định khá tiến bộ về tranh tụng tại phiên tòa, như: quy định về bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo tại phiên tòa; quy định về nguyên tắc bình đẳng giữa kiểm sát viên với người bào chữa, bị cáo trong việc đưa ra chứng cứ, đưa ra yêu cầu và tranh luận trước Tòa án, nhằm bảo đảm tính khách quan của hoạt động xét xử... Bộ luật Tố tụng hình sự (TTHS) cũng quy định khi xét hỏi và tranh luận, chủ tọa phiên tòa không hạn chế thời gian để xét hỏi cũng như để tranh luận... Những quy định này tạo điều kiện cho những người tham gia tố tụng có điều kiện về thời gian để tranh luận bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tuy nhiên, Bộ luật TTHS hiện hành chưa quy định tranh tụng là một nguyên tắc của hoạt động xét xử, vì vậy, trong từng điều luật tại các chương về xét xử cũng chưa thể hiện hết toàn bộ tinh thần của tranh tụng và như thế việc đảm bảo cho tranh tụng tại phiên tòa chưa đạt hiệu quả cao nhất.

Bảo đảm sự bình đẳng giữa các chủ thể tham gia tranh tụng là một điều kiện cơ bản của hoạt động tranh tụng tại phiên tòa. Nó là cơ sở để xác định tư cách tố tụng của người bào chữa, bị cáo không chỉ là một chủ thể mà còn là một bên tham gia tranh tụng bình đẳng với bên buộc tội. Tuy nhiên, việc thể hiện nội dung này tại các điều luật cụ thể vẫn chưa được quy định tại Bộ luật TTHS năm 2003. Ví dụ: tại các điều 187, 189, 190, 245, 280 Bộ luật TTHS quy định, trong mọi trường hợp kiểm sát viên vắng mặt phải hoãn phiên tòa, trong khi đó người bào chữa hoặc bị cáo và các chủ thể khác vắng mặt thì vẫn có thể tiến hành xét xử vụ án. Chúng tôi cho rằng, quy định như vậy là chưa đảm bảo sự bình đẳng giữa các bên trong tranh tụng, sự vắng mặt của luật sư và của bị cáo ở phiên tòa sẽ làm cho quá trình tranh tụng mất đi ý nghĩa của nó, bởi thiếu một bên tham gia và một chức năng quan trọng là bào chữa không được thực hiện.

Tại phiên tòa, phán quyết của Tòa án phải dựa trên việc xem xét đánh giá những chứng cứ được đưa ra và tranh luận giữa các bên. Thế nhưng khi qua thẩm tra và đánh giá chứng cứ, nếu xét thấy bị cáo phạm tội khác nặng hơn thì Hội đồng xét xử cũng không có quyền ra phán quyết về tội nặng hơn đó theo quy định tại

Điều 196 Bộ luật TTHS. Vì vậy, khi xét thấy bị cáo phạm tội nặng hơn thì Hội đồng xét xử chỉ có thể căn cứ vào Điều 179 Bộ luật TTHS trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung. Từ đó cho thấy, tranh tụng tại phiên tòa chưa phải là căn cứ có tính quyết định với phán quyết của Tòa án.

Viện kiểm sát là cơ quan đại diện cho Nhà nước thực hành quyền công tố, nói một cách khác, Viện kiểm sát là bên buộc tội, thế nhưng Viện kiểm sát lại kiêm luôn cả chức năng kiểm sát việc xét xử, như vậy rõ ràng là không thể khách quan. Cần phải xác định Viện kiểm sát chỉ thực hành quyền công tố, vì như vậy mới tránh tình trạng vừa đá bóng vừa thổi còi, đồng thời, Viện kiểm sát sẽ chuyên sâu hơn về nhiệm vụ của mình.

Hai là, công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực trình độ nói chung, bồi dưỡng về kỹ năng tranh tụng cho KSV tham gia phiên tòa nói riêng chưa được quan tâm đúng mức, đặc biệt là việc đào tạo, bồi dưỡng tư duy logic hình thức cho KSV để vận dụng vào hoạt động tranh tụng, bởi lẽ logic học hình thức là khoa học của tư duy. Đào tạo logic học hình thức sẽ góp phần rèn luyện tính hệ thống, tính chặt chẽ trong tư duy; giúp KSV tư duy theo đúng các qui luật, qui tắc vốn có của tư duy; biết cách lập luận để bảo vệ quan điểm của mình; giúp KSV biết phân tích tư tưởng của người khác, phát hiện ra những “lỗi” trong tư duy của người khác, qua đó để tranh luận, phản biện lại, bác bỏ những tư tưởng sai và lỗi tư duy ngụy biện[36].

Ba là, Năng lực, trình độ chuyên môn của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư còn có nhiều hạn chế.

Năng lực, trình độ chuyên môn: năng lực của thẩm phán, kiểm sát viên có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng của quá trình tranh tụng tại phiên tòa, được thể hiện ở hai khía cạnh là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm khi tham gia phiên tòa, đối với thẩm phán là kỹ năng điều khiển phiên tòa và kiểm sát viên là kỹ năng tranh tụng. Trong đó trình độ chuyên môn, nghiệp vụ có ảnh hưởng rất lớn vì chủ yếu các trường hợp án bị sửa, hủy là do việc nắm và vận dụng pháp luật của thẩm phán và kiểm sát viên còn hạn chế.

Trong những năm gần đây, luật sư đã tham gia nhiều vào tranh tụng trong vụ án hình sự. Tuy nhiên ở nhiều vụ án mà có sự tham gia của luật sư thì việc tranh cãi chỉ xoay quanh quan điểm định tội danh hoặc tìm ra những chỗ chưa hoàn chỉnh của công tác điều tra để “bắt bẻ” chứ rất hiếm khi đưa ra được những bằng chứng phản bác đắt giá... chưa kể sự mâu thuẫn, căng thẳng trong khi tranh cãi thay vì phải xuất phát từ sự cọ xát về chứng cứ, luận điểm thì đôi lúc chỉ vì thái độ, ngôn ngữ mang tính hình thức. Nhiều lúc công đoạn tranh luận chỉ là sự công kích giữa hai phía buộc tội và gỡ tội, tuy là có kịch tính nhưng nhiều khi lại làm mất đi vẻ uy nghiêm của một phiên tòa. Điều này có một phần nguyên nhân từ năng lực của luật sư. Thực tế hiện nay, do điều kiện kinh tế, bị cáo và người nhà bị cáo không thuê luật sư, cho nên nhiều khi luật sư phải làm thêm các dịch vụ pháp lý khác, chưa kể có người còn có những công việc khác bên cạnh nghề luật sư, nhiều luật sư là cán bộ hưu trí... Những điều này làm cho kinh nghiệm và kỹ năng của luật sư bị dàn trải, hạn chế năng lực chuyên sâu của luật sư.

Đạo đức, ý thức nghề nghiệp: hiện nay còn có một số bộ phận cán bộ tư pháp thoái hóa, biến chất, vi phạm pháp luật, làm trái với lương tâm và đạo đức nghề nghiệp để kiếm tiền.

Một số luật sư khi tham gia bào chữa vụ án hình sự không quan tâm đến công việc chuyên môn, tới việc làm rõ các tình tiết của vụ án một cách đầy đủ, toàn diện mà quá coi trọng vật chất, việc làm không trong sáng, làm lộ bí mật điều tra hòng chạy tội cho bị can, bị cáo. Thậm chí có những luật sư tìm cách “chạy án” nhằm gỡ tội cho thân chủ. Chính những biểu hiện, việc làm của luật sư đã tự cản trở việc thực hiện quy định người bào chữa tham gia tố tụng kể từ khi khởi tố vụ án và tiếng nói của luật sư bào chữa trong một vài vụ án chưa được người dân đồng tình, coi trọng .

Bốn là, mô hình thông khâu có những hạn chế nhất định cho tranh tụng của KSV tại phiên tòa sơ thẩm

Theo mô hình thông khâu, KSV được phân công KSĐT sẽ đồng thời là người được THQCT và KSXX sơ thẩm vụ án, do vậy bên cạnh những ưu điểm

trong việc nắm vững hồ sơ vụ án để làm cơ sở cho tranh luận, có thể có những hạn chế như: Do KSV vừa được giao kiểm sát điều tra, vừa tiến hành kiểm sát xét xử tại phiên tòa nên dễ lệ thuộc vào quan điểm đã đề xuất truy tố khi KSĐT; dẫn đến tư tưởng hoặc bảo thủ, hoặc chủ quan khi tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm; có những KSV kiểm sát điều tra tuy có kinh nghiệm nhưng lại hạn chế về kỹ năng khi tranh tụng tại phiên tòa.

Qui định về VKSNDTC uỷ quyền cho VKS cấp tỉnh thực hành quyền công tố và KSXXST những vụ án do VKSNDTC truy tố có những khó khăn cho KSV được uỷ quyền trong nghiên cứu hồ sơ, chứng cứ; đòi hỏi phải có quan hệ phối hợp tốt giữa KSV kiểm sát điều tra và KSV được phân công THQCT và KSXXST.

Năm là, cơ sở vật chất, trang thiết bị của ngành Tòa án nhiều nơi đã xuống cấp, lạc hậu. Trụ sở một số Tòa án quá chật hẹp, thiếu phòng xử án, nhiều khi phải xử án tại phòng làm việc, xử án xong lại kê bàn ghế như cũ; chỗ ngồi cho luật sư chật hẹp, không có phòng cách ly người làm chứng và các bên tham gia tố tụng, ảnh hưởng nhiều đến quá trình tranh tụng tại phiên tòa.

Ý thức pháp luật của bị can, bị cáo, của những người tham gia tố tụng khác còn hạn chế, chưa hiểu biết pháp luật để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho mình và chưa ý thức được rằng họ tham gia vào quá trình tố tụng cũng là để bảo vệ pháp luật, giám sát việc thực thi pháp luật của các cơ quan tư pháp.

Kết luận chương 2

Từ đặc điểm tình hình về tự nhiên, kinh tế - xã hội của Quân khu 4, đặc điểm tự nhiên và kinh tế xã hội ảnh hưởng đến tình hình tội phạm trên địa bàn và từ những số liệu thực tế về khảo sát tình hình xét xử trên địa bàn Quân khu có thể khẳng định chất lượng, hiệu quả tranh tụng của Kiểm sát viên viện kiểm sát quân sự Quân khu 4 tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ngày càng có nhiều chuyển biến tích cực; công tác đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm đạt hiệu quả. Hoạt động thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên ý thức ngày càng tốt, trách nhiệm hơn vừa thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành, vừa phục vụ yêu cầu nhiệm vụ chính trị

của cấp uỷ địa phương và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị công tác hàng năm của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về mảng công việc này.

Để được những thành quả như trên là do rất nhiều nguyên nhân nhưng trong đó nhận thức đúng đắn của lãnh đạo và của Kiểm sát viên về tranh tụng và đầu tư cho công tác cán bộ là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất. Bên cạnh đó vẫn còn những hạn chế thiếu sót như: Vẫn còn tình trạng Kiểm sát viên chưa làm tốt công tác chuẩn bị cho hoạt động xét xử, ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng tại phiên tòa; Chất lượng tranh tụng trong nhiều phiên tòa còn hạn chế, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp; Chất lượng xét hỏi của Kiểm sát viên còn thấp cần được khắc phục trong thời gian tới.

Chương 3

YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRANH TỤNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM TỪ THỰC TIỄN QUÂN KHU 4

3.1 Yêu cầu bảo đảm tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử án hình sự

Từ những phân tích ở trên, căn cứ những thành tựu, hạn chế đạt được, cũng như nguyên nhân của những tồn tại trong chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên từ thực tiễn xét xử ở Quân khu 4, Kiểm sát viên cần phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau đây để nâng cao chất lượng, bảo đảm hoạt động tranh tụng.

Thứ nhất: Kiểm sát viên phải nhận thức hồ sơ vụ án chỉ là tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập, chưa chắc đã là chính xác, lúc này nguyên tắc giả định bị cáo vô tội phải được quán triệt. Cần thực hiện đúng nguyên tắc “bản án chỉ căn cứ vào những chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa”. Và thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 08/NQ-TW việc giải quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để đưa ra những bản án, quyết định đúng pháp luật có sức thuyết phục. [5,tr15]

KSV phải nắm vững hồ sơ vụ án, nắm vững chứng cứ buộc tội và gỡ tội, các chứng cứ được thể hiện ở các tài liệu nào, bút lục số bao nhiêu, những hạn chế, vướng mắc trong hồ sơ và ảnh hưởng của nó trong quá trình sử dụng chứng cứ tranh luận tại phiên tòa. Nắm vững bản chất của vụ án, những vấn đề có thể phát sinh có liên quan đến các đối tượng tranh tụng, Việc nắm vững hồ sơ vụ án phải thể hiện việc KSV nắm vững các tài liệu, chứng cứ cụ thể trong hồ sơ và nắm vững tính hệ thống của chứng cứ, các mối liên hệ qua lại giữa các tài liệu, chứng cứ.

Thứ hai: Nắm vững các quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và các văn bản hướng dẫn, các quy định của pháp luật có liên quan nhằm vận dụng đúng đắn, chính xác khi tham gia tranh luận.

Thứ ba: Kiểm sát viên phải đáp ứng đầy đủ các quy định về năng lực, trình độ theo quy định tại Luật tổ chức Viện Kiểm sát năm 2014. Có tinh thần trách nhiệm trong công tác, làm đúng chức trách nhiệm vụ được giao, giữ vững phẩm chất, đạo đức cán bộ của người cán bộ Kiểm sát. Luôn luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác, làm đúng chức trách nhiệm vụ được giao, giữ vững phẩm chất, đạo đức cán bộ của người cán bộ Kiểm sát. Việc tuyển chọn, đào tạo, bổ nhiệm kiểm sát viên cần phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật.

Thứ tư: Kiểm sát viên cần phải có lập trường chính trị kiên định, vững vàng, luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước, tuyệt đối tuân theo pháp luật, kỷ luật của đơn vị. Ngoài ra Kiểm sát viên phải có tinh thần trách nhiệm trong công tác, làm đúng chức trách nhiệm vụ được giao, giữ vững phẩm chất, đạo đức cán bộ của người Kiểm sát “*Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn*”, không cầu thả, thiếu trách nhiệm trong công việc. Luôn luôn sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Thứ năm: Kiểm sát viên phải thường xuyên trau dồi và rèn luyện “Kỹ năng giao tiếp của Kiểm sát viên trong hoạt động tranh tụng tại phiên tòa hình sự”. Đó phải được coi là “văn hóa” giao tiếp của kiểm sát viên, làm tốt những kỹ năng đó là Kiểm sát viên đã góp phần thành công trong hoạt động tranh tụng [14].

3.2 Những giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử hình sự ở Quân khu 4

3.2.1 Giải pháp bảo đảm các quy định của BLTTHS 2015 về tranh tụng tại phiên tòa

Qua hơn 10 năm thi hành, BLTTHS năm 2003 đã tạo cơ sở pháp lý hữu hiệu cho các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, hạn chế oan, sai và bỏ lọt tội phạm, bảo đảm tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng, đặc biệt là người bị

bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bào chữa, bảo đảm tính minh bạch, khách quan trong tố tụng hình sự.

Tuy nhiên, từ thực tiễn thi hành BLTTHS năm 2003 cũng đã bộc lộ vướng mắc, bất cập. Trước yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCHN) Việt Nam, triển khai thực hiện các chủ trương cải cách tư pháp của Đảng như: “Cải cách mạnh mẽ thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, chặt chẽ nhưng thuận tiện, bảo đảm sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp”; “bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp” mà Đảng ta đã đề ra tại: Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 26/5/2005, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005, Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010, Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị; Văn kiện Đại hội X, XI của Đảng đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các quy định của BLTTHS năm 2003 để thể chế hóa đầy đủ chủ trương, quan điểm về cải cách tư pháp đáp ứng yêu cầu thực tiễn đất nước.

Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện sâu sắc quan điểm của Đảng ta về tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, bổ sung nhiều nguyên tắc tư pháp tiến bộ, bổ sung và làm rõ hơn nhiệm vụ của Tòa án và Viện kiểm sát khi thực hiện chức năng Hiến định. Những sửa đổi, bổ sung này đòi hỏi phải được cụ thể hóa trong BLTTHS (sửa đổi).

Cho nên, qua một thời gian dài nghiên cứu ngày 27/11/2015 tại kỳ họp thứ 10 khóa XIII Quốc hội đã thông qua Bộ luật tố tụng hình sự 2015 Luật được Chủ tịch nước ký lệnh công bố ngày 09/12/2015. BLTTHS gồm 9 phần, 36 chương và 510 điều (tăng 154 điều, bổ sung 176 điều, sửa đổi 317 điều, giữ nguyên 17 điều, bãi bỏ 26 điều); tách chương quyết định truy tố khỏi phần khởi tố, điều tra vụ án hình sự để thành một phần độc lập (Phần thứ ba: Truy tố); ghép phần xét xử sơ thẩm và phần xét xử phúc thẩm điều chỉnh trong một phần (Phần thứ tư: xét xử vụ án hình sự).

Để các quy định của BLTTHS 2015 được thực hiện toàn diện tất cả các mặt, từ đó tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm bảo đảm cho hoạt động tranh tụng tại phiên tòa như sau:

*** Tổ chức tuyên truyền, phổ biến; tập huấn những điểm mới của Bộ luật tố tụng hình sự 2015**

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về Bộ luật Tố tụng hình sự và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành nhằm nâng cao trách nhiệm, thống nhất nhận thức cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, cán bộ trực tiếp làm công tác tư pháp, thi hành án, hỗ trợ tư pháp, cán bộ làm công tác giảng dạy, nghiên cứu pháp luật và cho nhân dân.

Biên soạn tài liệu, tổ chức tập huấn chuyên sâu về Bộ luật Tố tụng hình sự cho lực lượng trực tiếp làm công tác tư pháp, cơ quan thi hành án và các cơ quan hỗ trợ tư pháp.

Rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật về tố tụng hình sự: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến tố tụng hình sự, thống kê những văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ để phù hợp với Bộ luật Tố tụng hình sự.

Ngoài ra, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao thường xuyên tổ chức các cuộc tập huấn cho đội ngũ thẩm phán, kiểm sát viên về những điểm mới của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, nhất là các vấn đề mới về trình tự, thủ tục và tranh tụng tại phiên tòa quy định trong BLHS 2015.

Trong thời gian qua, Viện kiểm sát quân sự Quân khu 4 đã phối hợp với các cơ quan đơn vị trong quân khu tổ chức lên lớp 16 buổi với số lượng 2.022 lượt người, trong đó SQ: 1125 người; QNCN: 673 người; HSQ,CS: 324 người cho Bộ chỉ huy quân sự các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Nghệ An và các đơn vị trực thuộc Quân khu 4. Cung cấp tài liệu, đề cương cho các đơn vị để tự tuyên truyền trong đơn vị[38].

*** Tăng cường ý thức pháp luật trong nhân dân**

Việc tăng cường ý thức pháp luật trong nhân dân có tầm ý nghĩa rất quan trọng trong việc nhận thức và thực hiện các quy định của pháp luật. Trong tổ tụng hình sự, bằng việc nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của Tòa án, người bào chữa, KSV, các nguyên tắc bảo đảm tranh tụng... cũng góp phần nâng cao chất lượng của hoạt động tranh tụng tại phiên tòa. Để thực hiện được điều đó thì công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là khâu đầu tiên của quá trình thi hành pháp luật và có ý nghĩa, vai trò hết sức quan trọng trong việc tăng cường pháp chế, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Xuất phát từ vai trò, ý nghĩa quan trọng đó Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến công tác này. Nghị quyết số 08 của Bộ Chính trị chỉ rõ: "*Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với nhiều hình thức phong phú, sinh động, đặc biệt là thông qua các phiên tòa xét xử lưu động và bằng những phán quyết công minh để tuyên truyền, nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ và nhân dân*"[2]. Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân đã khẳng định: "*Phổ biến, giáo dục pháp luật là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng*".

Vấn đề nâng cao hoạt động tranh tụng tại phiên tòa hiện nay đang được Đảng, Nhà nước quan tâm chỉ đạo việc thực hiện theo yêu cầu của Nghị quyết số 08 và Nghị quyết số 49 của Bộ Chính trị. Thiết nghĩ, để đạt được mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đề ra ngoài sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng thì cần phải có sự chung tay nỗ lực của toàn bộ các cấp các ngành nhất là các cơ quan pháp luật mà trước hết là từ mỗi cán bộ ngành Kiểm sát nói riêng.

3.2.2. Một số giải pháp khác nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm

Để nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử hình sự ở Quân khu 4 cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau đây:

*** Nâng cao kỹ năng tranh luận, đối đáp**

Tranh luận tại phiên tòa là một giai đoạn trọng tâm, thể hiện vai trò của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, đồng thời là hoạt động giúp Hội đồng xét xử có cơ sở khi nghị án, tuyên bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Để việc tranh luận của Kiểm sát viên đạt chất lượng, hiệu quả theo đúng tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW, trước hết, Kiểm sát viên phải xác định được những vấn đề chủ yếu cần phải tranh luận, đó là: Đánh giá việc kiểm tra, xem xét chứng cứ tại phiên tòa đầy đủ, khách quan, toàn diện chưa. Làm rõ những ý kiến mâu thuẫn trong quá trình xét hỏi bảo đảm khách quan. Việc áp dụng chính sách hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; đề xuất hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, phù hợp với các quy định của pháp luật không... Có nghĩa là, Kiểm sát viên phải đánh giá chứng cứ của vụ án một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ; phải kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của những tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra; phải kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ đó tại phiên tòa.

Về việc đối đáp: Theo quy định tại Điều 218 Bộ luật Tố tụng Hình sự thì bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến về luận tội của Kiểm sát viên và đưa ra đề nghị của mình. Kiểm sát viên phải đưa ra những lập luận của mình đối với từng ý kiến. Như vậy, đối đáp là trách nhiệm và nghĩa vụ của Kiểm sát viên. Khi những người tham gia tố tụng có ý kiến khác với nội dung luận tội, Kiểm sát viên có trách nhiệm chủ động đưa ra những lập luận của mình đối với từng ý kiến, tuyệt đối không được lảng tránh việc đối đáp bằng việc “giữ nguyên quan điểm truy tố”. Sự chủ động trong đối đáp đòi hỏi Kiểm sát viên phải nắm vững nội dung vụ án, nắm vững các quy định của pháp luật. Kiểm sát viên phải chú ý lắng nghe bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác

trình bày quan điểm, ý kiến; vừa nghe, vừa ghi tóm tắt lại để nắm được nội dung vấn đề. Sau khi đã nghe ý kiến bào chữa, Kiểm sát viên cần xác định nhanh nội dung cần đối đáp.

Thông thường, lời bào chữa của bị cáo, Luật sư của bị cáo thường đưa ra những vấn đề thiếu sót, những nội dung không đồng ý trong Cáo trạng và luận tội mà Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà. Kiểm sát viên không được bảo thủ bảo vệ những thiếu sót đó, phải bình tĩnh lựa chọn phương án đối đáp, mặt khác, cũng cần kiên quyết bảo vệ những nội dung đúng đắn của Cáo trạng, luận tội. Khi tranh luận, Kiểm sát viên phải đối đáp lại một cách dứt khoát, không vòng vo, né tránh. Các ý kiến đối đáp phải dựa trên những căn cứ pháp luật và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên toà.

Quá trình tranh luận, Kiểm sát viên phải bảo đảm văn hoá ứng xử. Tại phiên toà, địa vị pháp lý của Kiểm sát viên thể hiện ở ba phương diện: Kiểm sát viên vừa là người thay mặt Nhà nước thực hành quyền công tố, vừa là người kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng, vừa là người áp dụng pháp luật. Vì vậy, Kiểm sát viên cần thể hiện văn hoá ứng xử phù hợp với những tình huống phát sinh trong khi tranh luận. Trong mọi trường hợp, Kiểm sát viên không được có những hành vi, cử chỉ mang tính coi thường, xúc phạm bị cáo, người bào chữa. Ngôn từ sử dụng khi tranh luận phải thể hiện tính văn minh, lịch sự, thật sự tôn trọng, không dùng những từ ngữ mang tính miệt thị, thái độ cay cú, cáu gắt, quát nạt...

Chất lượng tranh luận tại phiên toà của Kiểm sát viên phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó, một yếu tố rất quan trọng là kỹ năng tranh luận. Vì vậy, nâng cao kỹ năng tranh luận tại phiên toà là một yêu cầu đặt ra, đòi hỏi Kiểm sát viên phải nhận thức và nêu cao trách nhiệm của mình đối với các quyết định do mình đưa ra và phải chịu trách nhiệm trước Viện trưởng, trước pháp luật về những quyết định đó, đặc biệt là việc kết luận bị cáo về tội nhẹ hơn, về khung hình phạt nhẹ hơn hoặc thay đổi việc đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo..., đồng thời, nội dung tranh luận của Kiểm sát

viên có chính xác, có sức thuyết phục, có ý nghĩa không chỉ để bảo vệ công lý, bảo vệ pháp luật, mà còn nhận được sự đồng tình ủng hộ của dư luận xã hội.

*** Tiếp tục tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm**

Đây là một giải pháp hữu hiệu giúp KSV nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa, song cần tổng kết việc áp dụng biện pháp này để nâng cao hơn nữa chất lượng phiên tòa rút kinh nghiệm. Việc tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm là biện pháp tự đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, KSV của từng VKS về THQCT và KSXX, trong đó nhấn mạnh nội dung rút kinh nghiệm về kỹ năng tranh tụng. Việc chọn vụ án phức tạp hay đơn giản, có hay không có Luật sư bào chữa, có đông hay có ít bị cáo...phụ thuộc vào việc cần rút kinh nghiệm cho ai, người đó là KSV lâu năm hay mới vào nghề; việc rút kinh nghiệm cho KSV thực hành quyền công tố là chính hay là rút kinh nghiệm cho những người tham dự phiên tòa? Qua đó để chọn vụ án cho phù hợp. Cần tránh nhận thức cho rằng việc tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm là để thực hiện phong trào thi đua, để chấm điểm và phân loại, đánh giá KSV. Tuy rằng trong hệ thống chỉ tiêu nghiệp vụ và chỉ tiêu thi đua của ngành có qui định về việc tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm nhưng việc tổ chức phiên tòa này trước hết phải vì mục đích nâng cao chất lượng THQCT và KSXX nói chung, chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên tòa nói riêng.

Hàng năm, Viện kiểm sát quân sự Quân khu 4 vẫn thường xuyên xây dựng kế hoạch, nghiên cứu kỹ lưỡng để chọn ra những vụ án điển hình để tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm. Ví dụ như vụ: Hoàng Nghĩa Lộc “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” đã được chọn để tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm vào đầu 2016[37].

*** VKSTC nghiên cứu, ban hành các qui tắc ứng xử của KSV tại phiên tòa**

Thực tiễn đang còn nhiều điểm chưa thống nhất về qui tắc ứng xử của KSV tại phiên tòa xét xử nói chung, trong đó có phiên tòa hình sự. Đề nghị Viện kiểm sát quân sự Quân khu 4 kiến nghị lên Viện kiểm sát quân sự Trung ương và VKSNDTC nghiên cứu, xây dựng các qui tắc ứng xử của KSV tại phiên tòa, trong đó qui định những chuẩn mực như công tác chuẩn bị tham gia phiên tòa, trang phục

của KSV, thời gian có mặt ở phiên toà, cách xưng hô với HĐXX, với Luật sư, bị cáo và người tham gia tố tụng khác; hành vi của KSV khi ứng xử với chủ tọa phiên toà, khi xét hỏi bị cáo, người tham gia tố tụng khác, khi tranh luận với người bào chữa; cách thức trình bày văn bản v.v...

Ngoài ra, trong khi chờ VKSNDTC nghiên cứu, xây dựng các qui tắc ứng xử của KSV tại phiên toà, Viện kiểm sát quân sự Quân khu 4 cần có các quy định về qui tắc ứng xử của KSV tại phiên tòa của TAQS Quân khu 4 để tạo cho KSV sự thống nhất, đồng bộ và cơ sở để khi tham gia phiên tòa.

*** Kiện toàn đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm**

- Đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay, Thẩm phán và Hội thẩm cần có nhận thức thống nhất về khái niệm, nội dung và ý nghĩa của thuật ngữ "tranh tụng" theo tinh thần cải cách tư pháp. Thẩm phán và Hội thẩm cần phải ý thức được rằng mình chính là người trọng tài vô tư, khách quan điều khiển quá trình tranh tụng giữa các bên tại phiên tòa. Xác định rõ nghĩa vụ của HĐXX là làm rõ sự thật khách quan của vụ án, chứng minh căn cứ và lý do cho phán quyết trong bản án hoặc quyết định của mình thông qua kết quả tranh tụng của các bên tại phiên tòa.

- Ngành Tòa án cần có biện pháp xây dựng đội ngũ Thẩm phán đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của mình. Trình độ, năng lực của Thẩm phán dù có giỏi đến đâu nhưng số lượng không đủ, công việc quá tải, áp lực công việc đè nặng thì hiệu quả chắc chắn không cao. Do đó, cần có quy định về việc mở rộng nguồn bổ nhiệm thẩm phán không chỉ đối với cán bộ đang công tác trong ngành mà còn cả những người là luật gia, Luật sư nếu họ đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật. Khi đảm bảo đủ số lượng thẩm phán cần thay đổi số lượng thẩm phán trong thành phần HĐXX theo hướng nâng từ một lên hai thẩm phán, giảm số lượng Hội thẩm từ hai xuống một (nếu HĐXX có ba người). Nâng Thẩm phán từ hai lên ba người, giảm số lượng Hội thẩm từ ba xuống hai người (nếu HĐXX có năm người).

*** Đào tạo các chức danh tư pháp theo hướng đáp ứng yêu cầu tranh tụng tại phiên tòa**

Trong tổ tụng hình sự nước ta ba chức danh tư pháp Thẩm phán, KSV và LS có mối liên hệ mật thiết với nhau. Ba chức danh này khi tham gia vào quá trình tố tụng mặc dù có chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng lại có nhiều điểm chung đó là đều phải thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng và trong một chừng mực nhất định nào đó họ cần hiểu được nghiệp vụ của nhau để trên cơ sở đó phát huy tốt nhất kỹ năng nghề nghiệp của mình cho việc giải quyết công việc. Vì thế, cần phải đổi mới nội dung, chương trình đào tạo Thẩm phán, KSV và LS hiện nay để đáp ứng đối với như cầu phát triển của xã hội.

+ Đối với Thẩm phán chú ý các công việc chuẩn bị xét xử, đặc biệt là kỹ năng lập kế hoạch xét hỏi, sao cho ra phiên tòa Thẩm phán luôn luôn chủ động điều khiển phiên tòa theo một thứ tự hợp lý và xử lý kịp thời các tình huống phát sinh tại phiên tòa. Ở phần xét hỏi và tranh luận cần hỏi những vấn đề mang tính gợi mở để các bên tập trung xét hỏi làm rõ; điều khiển phiên tòa bảo đảm dân chủ, bình đẳng giữa các bên; kiên quyết yêu cầu KSV trả lời tất cả những ý kiến có liên quan đến vụ án mà người tham gia tố tụng nêu ra nếu ý kiến đó chưa được KSV tranh luận. Phải đổi mới cách viết bản án, theo đó các ý kiến tranh tụng của KSV, LS và những người tham gia tố tụng đều được thể hiện, phân tích kỹ trong bản án. Việc chấp nhận hay bác bỏ ý kiến nào phải nêu rõ lý do.

- Thường xuyên quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, trình độ cho Thẩm phán trước và sau khi bổ nhiệm, công việc này cần tiến hành thường xuyên. Trong điều kiện hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường cần phải đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng xét xử chuyên sâu cho thẩm phán đối với các vụ án trong các lĩnh vực tham nhũng, chứng khoán, công nghệ thông tin, tài chính ngân hàng, xây dựng ...

- Bên cạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ công tác thì việc giáo dục nâng cao đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ Thẩm phán là nhiệm vụ vô cùng quan trọng. Cần chú ý đến văn hóa ứng xử khi điều khiển tranh tụng của

thẩm phán tại phiên tòa. Vấn đề này tuy không được điều chỉnh bởi pháp luật nhưng nó ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của phiên tòa cũng như uy tín, vị thế của thẩm phán nói riêng, của ngành Tòa án nói chung.

+ Đối với KSV phải trang bị các kỹ năng dự kiến nội dung xét hỏi, chuẩn bị bản luận tội và trung tụng tại phiên tòa để luôn chủ động trong việc xét hỏi và thẩm tra các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, kết hợp với việc xét hỏi phải phân tích lập luận làm rõ sự không hợp lý trong ý kiến của LS bào chữa và bị cáo đưa ra để bảo vệ bản cáo trạng. Phải rèn luyện các kỹ năng luận tội, đối đáp thể hiện sự dân chủ, khách quan và tôn trọng những người tham gia tố tụng.

- Viện kiểm sát các cấp nói chung và Viện kiểm sát quân sự Quân khu 4 nói riêng cần quan tâm bố trí đủ lực lượng KSV cho công tác THQCT và KSXX hình sự, tránh để tình trạng quá tải trong việc giải quyết án. Công tác THQCT và KSXX hình sự nói riêng và KSXX nói chung bị áp lực bởi thời hạn tố tụng (thời hạn chuẩn bị xét xử), do vậy cần đảm bảo có đủ KSV để nghiên cứu hồ sơ vụ án và tham gia phiên tòa. Khắc phục tình trạng việc nghiên cứu hồ sơ thì giao cho người khác, KSV chỉ được “cầm” hồ sơ khi đã có lịch xét xử cận kề. Tình trạng thiếu KSV chưa được khắc phục thì không thể nói tới vấn đề nâng cao chất lượng tranh tụng.

Cần quan tâm bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, KSV có bản lĩnh chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, có tinh thần kiên quyết đấu tranh bảo vệ pháp chế; có phẩm chất đạo đức trong sáng, lương tâm, trách nhiệm, tận tụy và tự giác cao với công việc. Ngoài kế hoạch đào tạo chung cho cán bộ, KSV trong toàn ngành, VKSTC cần tổ chức các lớp tập huấn, rèn luyện kỹ năng thực hành quyền công tố và KSXX cho KSV theo hướng chuyên sâu, theo từng cấp kiểm sát (sơ thẩm, phúc thẩm), theo từng lĩnh vực giải quyết án (hình sự trị an, hình sự ma túy, kinh tế, chức vụ...), theo từng nhóm tội cụ thể; tăng cường công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tổ chức hội thảo khoa học nhằm nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và KSXX nói chung và hoạt động tranh tụng tại phiên tòa nói riêng.

Ngoài ra, Viện kiểm sát quân sự, Tòa án quân sự Quân khu 4 cần thường xuyên hơn nữa việc tổ chức các cuộc tập huấn cho toàn thể cán bộ; đưa KSV, Thẩm phán đi đào tạo để nâng cao trình độ, kỹ năng khi tranh tụng tại phiên tòa.

Đối với người Cán bộ Kiểm sát nói chung và người cán bộ Kiểm sát quân sự nói riêng cần phải xác định rõ công việc mình đang làm có tính chất đặc thù cao, có nhiều áp lực công việc, cũng như đòi hỏi trách nhiệm cao. Đối với người cán bộ kiểm sát viên quân sự, trước hết cần phải xác định tư tưởng để hoàn thành trách nhiệm vừa là một người lính, nhưng cũng là một cán bộ kiểm sát. Điều này cũng hết sức khó khăn, không phải ai cũng làm được. Cho nên, khi tuyển dụng cán bộ, trước hết cần phải có quá trình hết sức nghiêm ngặt để chọn được người cán bộ có trình độ hiểu biết sâu về kiến thức pháp luật và kiến thức xã hội, có khả năng về ngoại ngữ, tin học và đặc biệt phải có đạo đức tốt và bản lĩnh chính trị vững vàng [28,tr29].

Mặt khác, như đã nói ở trên ngành kiểm sát là một ngành có tính chất đặc thù, cho nên người cán bộ kiểm sát nhất quyết không được mắc một số kiểm khuyết về hình thể, không nói lắp..., có khả năng diễn thuyết, hùng biện trước đám đông. Cho nên công tác sơ tuyển ban đầu cần phải chú trọng hơn, có như vậy mới đảm bảo các cán bộ Kiểm sát mới có thể thực hiện tốt hoạt động thực hành quyền công, tranh tụng tại phiên tòa khi được bổ nhiệm.

Ngoài ra, vì địa bàn hoạt động của Viện kiểm sát quân sự Quân khu 4 có tính chất đặc biệt, được tổ chức thành hai cấp bao gồm Viện kiểm sát quân khu và Viện kiểm sát khu vực 41, 42, 43 mỗi Viện kiểm sát khu vực đảm nhiệm hai tỉnh (Ví dụ như Viện kiểm sát quân sự khu vực 41 quản lý địa bàn tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa) địa bàn rộng, lại đóng cách xa nhau (Trụ sở Viện KSQS 41 đóng ở thành phố Vinh, Nghệ An; trụ sở Viện KSQS 42 đóng ở thành phố Huế; trụ sở Viện KSQS 43 đóng ở thành phố Đồng Hới, Quảng Bình)[40] cho nên cần chú trọng việc sơ tuyển nguồn cán bộ Kiểm sát viên ngay tại địa phương, hoặc bố trí nghiên cứu luân chuyển cán bộ một cách phù hợp, và thường xuyên nắm bắt tư tưởng các cán bộ đóng quân xa nhà để các cán bộ kiểm sát yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Công tác quy hoạch cán bộ của Viện KSQS Quân khu 4 cần được thực hiện thường xuyên nhằm tạo nguồn cán bộ cho việc thực hiện nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài của ngành, đảm bảo được tính liên tục, kế thừa khắc phục tình trạng thiếu hụt, chắp vá trong công tác cán bộ. Để thực hiện được như vậy, phải chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng KSV trẻ, KSV chủ chốt của ngành, tạo điều kiện cho các sĩ quan- cán bộ trẻ có cơ hội, môi trường thuận lợi để rèn luyện, phát triển. Cần tạo điều kiện để cho cán bộ, kiểm sát viên được học tập, nâng cao trình độ để phù hợp xu thế phát triển của xã hội.

Đối với mỗi cán bộ, cần tính đến sự phù hợp về năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức của từng cán bộ, đảm bảo tính hợp lý, khoa học trong việc bố trí sử dụng cán bộ. Quá trình công tác lãnh đạo cần phân công cán bộ thử thách qua nhiều nhiệm vụ, nhiều khâu công tác cũng như cương vị công tác khác nhau để tăng ý chí phấn đấu, tránh tâm lý nhàm chán, nảy sinh tiêu cực trong quá trình công tác.

Đối với LS, cần trang bị các kỹ năng thu thập và xuất trình đồ vật tài liệu làm chứng cứ của vụ án; các kỹ năng viết bản bào chữa, xét hỏi làm rõ sự vô tội và các tình tiết giảm nhẹ cho thân chủ; các kỹ năng tranh luận thể hiện sự hùng biện khi thuyết phục HĐXX bằng sự lập luận chặt chẽ, có các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quan điểm của mình.

*** Khắc phục những hạn chế trong việc áp dụng mô hình thông khâu công tác kiểm sát**

Mỗi mô hình thông khâu hoặc chuyên khâu đều có những ưu và nhược điểm. Mô hình chuyên khâu (KSV được phân công kiểm sát điều tra vụ án sẽ không tham gia THQCT và KSXX tại phiên tòa sơ thẩm) có những ưu điểm như: Trong nội bộ ngành, qua các khâu công tác khác nhau (kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử) có thể tự kiểm tra lẫn nhau, hạn chế oan sai. KSV được chọn lựa kỹ hơn khi tham gia THQCT và KSXXST; khi hồ sơ vụ án chuyển sang cho đơn vị có nhiệm vụ THQCT và KSXX thì có thể chọn những KSV có năng lực và có kỹ năng tranh tụng; KSV không bị lệ thuộc vào quan điểm truy tố như đã đề xuất khi kiểm sát điều tra. Tuy nhiên để lựa chọn mô hình này, cần sửa đổi BLTTHS theo hướng qui

định có thời hạn tố tụng riêng và đủ cho KSV (được phân công THQCT, KSXXST) nghiên cứu hồ sơ vụ án (như hiện nay thì chỉ có 3 ngày kể từ khi VKS đã ban hành Cáo trạng). Hoặc nếu luật TTHS không sửa đổi theo hướng này thì trong nội bộ ngành cần có qui định thời gian dành cho KSV kiểm sát xét xử sơ thẩm được nghiên cứu hồ sơ, sao chụp tài liệu cần thiết trước khi ban hành Cáo trạng và chuyển hồ sơ vụ án sang Toà án.

Nếu tiếp tục thực hiện mô hình thông khâu thì cần lựa chọn kỹ KSV tham gia phiên toà phải là người có năng lực THQCT và KSXX, nhất là phải có kỹ năng đối đáp, tranh tụng. Trong trường hợp KSV được phân công làm nhiệm vụ kiểm sát điều tra vụ án nhưng người đó lại không có năng lực tham gia phiên toà thì cần chọn và phân công thêm KSV có năng lực để cùng tham gia phiên toà.

*** Ngoài ra, Viện kiểm sát tối cao cần phải xây dựng các tiêu chí cơ bản làm cơ sở để đánh giá năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử án hình sự sơ thẩm.**

Nói đến năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên toà hình sự là muốn tìm hiểu, xem xét về khả năng hoàn thành nhiệm vụ tố tụng được giao trong giai đoạn xét xử vụ án mà chủ yếu là bảo vệ việc quy buộc tội trạng đối với người phạm tội. Nó được thể hiện tổng hợp bởi kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức pháp luật, khả năng biện luận, ứng xử, đối đáp trực tiếp với phía bào chữa và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà. Để xác định khả năng đó, cần xem xét trên những kết quả sau đây:

Một là, cần có đủ lập luận và lập luận có căn cứ để bảo vệ quan điểm truy tố của Viện Kiểm sát đã nêu trong cáo trạng.

Bởi vì, cáo trạng là văn bản pháp lý của Viện Kiểm sát nhân dân để truy tố bị can, là căn cứ làm phát sinh hoạt động xét xử của Toà án trên cơ sở phân tích, đánh giá nhiều mặt từ các chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội. Sẽ không thuyết phục được Hội đồng xét xử, bên bào chữa cùng những người dự phiên toà nếu Kiểm sát viên không chuẩn bị đưa ra các lập luận cần thiết để bảo vệ quan điểm truy tố.

Phiên Toà là một cuộc điều tra công khai. Ngay phần xét hỏi sẽ xuất hiện những tình tiết có thể có giá trị củng cố quan điểm của Viện Kiểm sát nêu trong cáo trạng hoặc phản bác một phần hay toàn bộ cáo trạng. Vì vậy, Kiểm sát viên phải quan tâm theo dõi, ghi chép những vấn đề qua kết quả của phần xét hỏi, từ đó sử dụng kiến thức của mình trong nhiều lĩnh vực khác nhau để bảo vệ cáo trạng và xử lý tình huống diễn ra khi tranh luận, đối đáp. Trong giai đoạn xét hỏi, Kiểm sát viên đặt câu hỏi đối với bị cáo và những người tham gia tố tụng khác là có sự chuẩn bị quan điểm tranh tụng qua đối chiếu với nội dung cáo trạng và dựa vào đó, Kiểm sát viên sẽ sử dụng chứng cứ, tài liệu, viện dẫn, áp dụng các Điều luật nào làm căn cứ để tranh luận hoặc sẽ đề xuất với Hội đồng xét xử cân nhắc cho phù hợp khi nghị án và tuyên án.

Đối với Kiểm sát viên viện kiểm sát quân sự thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên toà là thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Viện kiểm sát Quân sự, bảo đảm cho việc truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, bảo đảm việc xét xử của Toà án đúng pháp luật, nghiêm minh, kịp thời. Kiểm sát viên phải làm tốt việc nghiên cứu hồ sơ vụ án, lập hồ sơ kiểm sát án hình sự theo đúng Quy chế số 07 nói trên và thực hiện đầy đủ các thao tác nghiệp vụ ở giai đoạn chuẩn bị xét xử theo đúng quy định của Quy chế về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự (ban hành kèm theo Quyết định số 960 ngày 17/9/2007 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao).

Kinh nghiệm cho thấy, khi nghiên cứu hồ sơ vụ án phải trích cứu và xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ xác định tội phạm, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết về nhân thân bị cáo, vận dụng pháp luật (Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng Hình sự...) để đề xuất quan điểm xử lý phù hợp... Chỉ khi nghiên cứu, nắm vững hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên mới có thể thực hiện tốt các thao tác nghiệp vụ tiếp theo tại phiên toà, giúp Kiểm sát viên chủ động tham gia xét hỏi và tranh luận đạt hiệu quả cao.

Hai là, Kiểm sát viên có đưa ra được các căn cứ pháp lý vững chắc hay không để bác bỏ ý kiến đối lập của Luật sư bào chữa tại phiên tòa. Luật Tố tụng hình sự quy định phần tranh luận là phần tiếp nối của phần xét hỏi. Ngay trước khi thực hiện việc đó, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội.

Như vậy, về nguyên tắc khác với bản cáo trạng là Kiểm sát viên đọc, còn đối với lời luận tội thì Kiểm sát viên phải trình bày, do đó bản dự thảo luận tội đã được chuẩn bị trước khi vụ án đưa ra xét xử và được chỉnh sửa trong quá trình xét xử, chủ yếu là dựa vào phần xét hỏi. Vấn đề chỉnh sửa, bổ sung bản luận tội không chỉ liên quan đến quan điểm, đường lối truy tố của Viện Kiểm sát mà còn ảnh hưởng đến tính dân chủ, công bằng và dư luận xã hội đối với việc giải quyết vụ án.

Lập luận của Kiểm sát viên được coi là có căn cứ khi Kiểm sát viên sử dụng kiến thức của mình trong nhiều lĩnh vực khác nhau như tâm lý tội phạm, khoa học dấu vết, khoa học chứng cứ và kiến thức được nghiên cứu của một số chuyên ngành có liên quan ... nếu hành vi phạm tội và tội phạm phát sinh có liên quan tới lĩnh vực đó để bảo vệ quan điểm buộc tội nêu trong cáo trạng.

Nhưng cũng cần lưu ý rằng những lập luận và đề xuất của Kiểm sát viên trước phiên tòa luôn phải có viện dẫn các điều luật, khoản luật, văn bản luật cụ thể đang có hiệu lực pháp luật. Nói cách khác, lập luận có căn cứ khi nó phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Đây cũng là vấn đề đáng lưu ý khi trong quá trình xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người làm chứng, nguyên đơn, bị đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác có thể đưa ra các tài liệu, những ý kiến phản bác nội dung bản cáo trạng. Vì vậy, cần chú ý khi đưa ra ý kiến lập luận của mình về đồng tình hay phản bác các ý kiến đó với những căn cứ vững chắc, có tính thuyết phục. Theo quy định của Luật tố tụng hiện hành, Luật sư luôn được quyền phát biểu sau ý kiến phát biểu luận tội của Kiểm sát viên, từ đó phát sinh tranh luận, đối đáp. Tranh luận tại phiên tòa là một phần quan trọng của phiên tòa hình sự và cần nhận thức rằng đây là phần thể hiện tập trung nhất, rõ nét nhất của bản chất tranh tụng. Tuy Luật tố tụng hình sự hiện hành chưa quy định rõ quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia tranh luận như yêu cầu bên tranh luận

giải thích những vấn đề chưa rõ; các bên có quyền sử dụng các chứng cứ, tài liệu đã có trong hồ sơ hoặc mới thu thập được để bảo vệ ý kiến của mình và phản bác lại ý kiến của bên kia;

Tuy vậy, Kiểm sát viên cũng cần phải lắng nghe, tôn trọng ý kiến của bên bào chữa và phải đối đáp lại ý kiến của bên đối lập, không né tránh, thái độ tranh luận đối đáp cần bình tĩnh, tự tin, ngôn phong chuẩn mực và lập luận có căn cứ, logic sẽ có tác dụng thuyết phục tốt hơn.

Ba là, đối chiếu xem ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm về tội danh, mức hình phạt, mức độ trách nhiệm dân sự ... được Hội đồng xét xử ra quyết định chấp nhận ở mức nào.

Trường hợp Viện Kiểm sát kháng nghị, Kiểm sát viên có đưa ra được các căn cứ qua tranh luận để bảo vệ cho quan điểm trong kháng nghị hay không? Để xem xét năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử án hình sự sơ thẩm thì vấn đề chung nhất là dựa vào kết quả phán quyết của Hội đồng xét xử qua các bản án quyết định đã có hiệu lực thi hành và không bị kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Bởi vì, tại phiên tòa hình sự, hoạt động tranh tụng được thực hiện suốt trong quá trình xét xử. Tại phiên tòa xét xử án hình sự sơ thẩm, hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên là nhằm bảo vệ quyết định truy tố qua bản cáo trạng, kết quả tranh tụng đó về mặt pháp lý được Hội đồng xét xử công nhận và được ghi nhận qua bản án quyết định.

Như vậy, để đánh giá đầy đủ và chính xác kết quả hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử án hình sự, việc cần thiết là có những tiêu chí cụ thể làm cơ sở xem xét một cách tổng quát về diễn biến phiên tòa và cũng phải xem xét trong mối tương quan giữa lời đề nghị của Kiểm sát viên và quyết định của Hội đồng xét xử.

Kết luận chương 3

Trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự, hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa là một trong những hoạt động thực hiện chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát.

Kết quả hoạt động trong thời gian qua đã khẳng định hoạt động thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa là một trong những công vụ có hiệu quả của Viện kiểm sát trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên chất lượng của công tác thực hành quyền công tố nói chung và chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên tòa nói riêng chưa ngang tầm với yêu cầu đòi hỏi của công cuộc cải cách tư pháp, vẫn còn tình trạng oan sai trong truy tố và xét xử đã vi phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Nhà nước và các cấp tư pháp.

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động tranh tụng của kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, mỗi KSV phải nắm vững và thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn của mình được quy định trong luật và các quy chế của ngành, đồng thời phải giáo dục ý thức trách nhiệm, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức, thường xuyên học tập nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

Trong thời gian qua, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao nói chung và Viện kiểm sát quân sự Quân khu 4 nói riêng đã có nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm hữu hiệu như: Khắc phục những hạn chế trong việc áp dụng mô hình thông khâu công tác kiểm sát; Ban hành các qui tắc ứng xử của KSV tại phiên tòa... Trong thời gian tới, cần nghiên cứu, ban hành các quy chế về nâng cao chất lượng của KSV tại phiên tòa thật sự tốt hơn nữa.

KẾT LUẬN

Cải cách tư pháp ở nước ta là một yêu cầu cấp bách nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm. Những năm qua, Đảng ta có nhiều Nghị quyết định hướng về tiến trình cải cách tư pháp. Trong đó, vấn đề tranh tụng và nâng chất lượng về năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử án hình sự là những vấn đề cần nghiên cứu làm rõ và tìm giải pháp để nâng cao.

Những kết quả Luận văn đã trình bày có thể kết luận khái quát như sau :

1. Đưa ra khái niệm tranh tụng tại phiên tòa hình sự và tranh tụng của Kiểm sát viên trong phiên tòa hình sự sơ thẩm, góp phần thống nhất nhận thức về bản chất, nội dung, ý nghĩa của tranh tụng.

2. Nội dung đề tài góp phần nghiên cứu làm rõ thêm lý luận về vận dụng nguyên tắc tranh tụng vào tố tụng xét xử tại phiên tòa hình sự, so sánh và làm rõ thêm về nhận thức và nên quan điểm nghiên cứu của các tác giả đối với những vấn đề có liên quan đến đề tài như quyền công tố, thực hành quyền công tố, năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử án hình sự, các yếu tố cấu thành và các yếu tố đảm bảo năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử án hình sự, những tác động trong hoạt động tố tụng tại phiên tòa của các chủ thể và những tác động khác làm ảnh hưởng đến năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên và thực trạng tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ở Quận khu 4.

3. Về mặt thực tiễn, để năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử án hình sự được thực hiện tốt hơn nữa, cần có sự thực hiện đồng bộ về nâng cao trách nhiệm thực hiện chức năng theo Luật quy định đối với các chủ thể là Thẩm phán với chức năng xét xử, hoạt động của Luật sư với trách nhiệm bào chữa cho các chủ thể tham gia tố tụng ... tranh tụng với Kiểm sát viên thực hành quyền công tố mà tập trung nhất là phần đối đáp, tranh luận nhằm thực hiện đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ vị trí, quyền hạn, trách

nhệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng ... theo yêu cầu cải cách tư pháp của Nghị quyết 49 Bộ chính trị (Khoá IX).

4. Kiểm sát viên cần phải thường xuyên nghiên cứu học tập nắm vững các quy định của pháp luật, nhất là pháp luật hình sự và tố tụng hình sự, các luật có liên quan, các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật, quy chế nghiệp vụ của ngành, tích cực nghiên cứu các chuyên đề có liên quan đến hoạt động tranh tụng tại phiên tòa hình sự; nghiên cứu và nắm vững các quan điểm đường lối của Đảng và Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm vì đó chính là những cơ sở quan trọng để có thể thực hiện việc tranh tụng đạt chất lượng tốt tại phiên tòa xét xử án hình sự. Kiểm sát viên cũng cần nâng trách nhiệm về mặt tác nghiệp như nghiên cứu hồ sơ để nắm vững nội dung vụ án, hệ thống tài liệu, chứng cứ qua hồ sơ, trích cứu những chứng cứ có liên quan, chuẩn bị đề cương xét hỏi, chuẩn bị các luận cứ để bảo vệ quan điểm truy tố đối với bị cáo, dự kiến các tình huống phát sinh cần tranh tụng, dự thảo bản luận tội.

5. Thực tiễn ở Quân khu 4, năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử án hình sự đang đạt những tiến bộ mới, đã chọn được những Kiểm sát viên tiêu biểu có năng lực tranh tụng tốt làm điển hình để đồng nghiệp học tập rút kinh nghiệm chung. Tuy vậy, so với yêu cầu vẫn còn nhiều Kiểm sát viên phải phấn đấu nhiều hơn nữa vẫn còn một ít Kiểm sát viên ít chịu nghiên cứu tìm hiểu thêm, chủ quan theo kinh nghiệm nên hạn chế kỹ năng tranh luận đối đáp, thiếu tính nêu gương học tập cho lớp Kiểm sát viên bổ nhiệm sau.

5. Những giải pháp nâng cao năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử án hình sự, trong đó có những giải pháp mang tính kiến nghị chung đến Đảng, Nhà nước và ngành cấp Trung ương sớm nghiên cứu những vấn đề vướng mắc mà ở địa phương không tự tháo gỡ được, nhất là về sửa đổi, bổ sung Luật, giải thích Luật, về quy chế nghiệp vụ, về đổi mới nội dung đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư pháp ở các trung tâm đào tạo chuyên trách, chế độ đãi ngộ, trụ sở và phương tiện hoạt động; nêu ra những giải pháp cụ thể, định hướng qua xây dựng các tiêu chí làm cơ sở cho việc kiểm tra nâng chất

lượng về năng lực tranh tụng của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên toà sơ thẩm và phúc thẩm án hình sự ở Quân khu.

Đây chỉ là những giải pháp còn hạn hẹp chủ quan của tác giả và cũng tin rằng, với những giải pháp đó sẽ góp phần thúc đẩy và đạt tiến bộ mới trong hoạt động tranh tụng trong đó tổ tụng hình sự ở Quân khu 4.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Thế Anh, Vấn đề tranh tụng của KSV tại phiên tòa, <http://vks.kiengiang.gov.vn/chitietbantinh.aspx?Matin=10>, 25/9/2013
2. Bộ chính trị (2002), Nghị quyết 08- NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới, Hà Nội.
3. Bộ chính trị (2005), Nghị quyết 49- NQ/TW ngày 02/06/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Hà Nội.
4. Bộ chính trị (2012), Nghị quyết 37/ NQ-QH13 ngày 23/11/2012 về công tác phòng chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của VKSND, của TAND và công tác thi hành án năm 2013, Hà Nội.
5. Nguyễn Kim Chi, Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng trong phiên tòa hình sự, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, số 191, 03/2011, tr 12-17
6. Nguyễn Chí Dũng (2014), Một số vấn đề lý luận và thực hiện trong việc xét hỏi và tranh luận của KSV tại phiên tòa sơ thẩm hình sự, tạp chí kiểm sát, số 12 (06/2014), tr. 2-8.
7. Nguyễn Chí Dũng, Một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc xét hỏi và tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm hình sự (6/2/2015).
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, IX, X* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Đại từ điển Tiếng Việt (1998), Nxb Văn hóa Thông tin.
10. PGS.TS.Trần Văn Độ, "Nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự", *Tạp chí Tòa án nhân dân*.
11. PGS.TS. Phạm Hồng Hải (2008), "*Vai trò, trách nhiệm của kiểm sát viên trong quá trình thực hành quyền công tố nhìn dưới góc độ luật sư*", *Tạp chí Kiểm sát*.
12. PGS. TS Nguyễn Văn Huyền (2003), "*Bảo đảm quyền của bị can, bị cáo trong phiên tòa mở rộng tranh tụng*", *Tạp chí DC & PL* số 8/2003.
13. Khoa Luật - Đại học Quốc Gia (2004), *Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
14. Kỹ năng giao tiếp của Kiểm sát viên trong hoạt động tranh tụng tại phiên tòa hình sự <http://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/79/143>

15. TS. Nguyễn Đức Mai (2004) “Vấn đề tranh tụng trong TTHS”, Đại học Quốc Gia, Hà Nội.
16. Đinh Xuân Nam (2006), "Một số vấn đề về văn hóa ứng xử của Kiểm sát viên tại phiên tòa", *Tạp chí Kiểm sát*, (08), tr.25.
17. Từ Văn Nhũ (2002), “Đổi mới thủ tục xét xử nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự” *Tạp chí Tòa án nhân dân*.
18. PGS.TS. Nguyễn Thái Phúc (2009), "Đổi mới phiên tòa sơ thẩm nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp", *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (02;11).
19. Tôn Thiện Phương (2015), Các giải pháp về công tác cán bộ của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự, *Tạp chí Kiểm sát*, số Tân Xuân (01/2015), tr.28-33.
20. Đinh Văn Quế, Những vấn đề lý luận và thực tiễn về việc xét hỏi của KSV tại phiên tòa hình sự, http://toaan.gov.vn/page/portal/tandtc/baiviet?p_page_id=1754190&p_cateid=1751909&article_details=1&item_id=11419778.
21. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1988), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988*.
22. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1999), *Bộ luật hình sự năm 1999*.
23. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự năm (Bổ sung sửa đổi)*.
24. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*.
25. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2001), *Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980; 1992 (sửa đổi năm 2001)*.
26. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp năm 2013*.
27. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014*.
28. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014*.

29. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2001), *Pháp lệnh luật sư 2001*;
30. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật Luật sư 2006*.
31. Lê Hữu Thế, Chuyên đề tranh tụng và những giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của kiểm sát viên trong xét xử hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp (19/12/2014).
32. Trường Đại học Luật Hà Nội (2006), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
33. Từ điển Hán - Việt , <http://www.thuvien-ebook.com>
34. Trần Thanh Thủy (2014), Nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án- yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa, Tạp chí kiểm sát, số 12 (06/2014).
35. Phạm Minh Tuyên (2014), Bàn về tranh tụng tại các phiên tòa hình sự, Tạp chí kiểm sát, số 12 (06/2014),tr.20-26
36. VKSNDTC, Chuyên đề tranh tụng và những giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của KSv trong xét xử hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, <http://www.vksndtc.gov.vn/khac-306>, 19/12/2014.
37. Viện kiểm sát quân sự Trung ương, *Báo cáo tổng kết ngành năm 2011; 2012; 2013; 2014; 2015*.
38. Viện kiểm sát quân sự Quân khu 4, *Báo cáo tổng kết ngành năm 2011; 2012; 2013; 2014; 2015*.
39. Võ Khánh Vinh(2014),*Giáo trình Luật hình sự Việt Nam: Phần các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội.
40. Võ Khánh Vinh(2012),*Giáo trình Quyền con người*, Nxb Khoa học xã hội
41. Viện kiểm sát quân sự Quân khu 4, *Lịch sử ngành kiểm sát quân sự quân khu 4*, Nxb Quân đội nhân dân.
42. Viện kiểm sát quân sự quân khu 4, Thông báo tình hình tội phạm liên quan đến quân đội xảy ra trên địa bàn Quân khu 4 từ 2011 đến năm 2015 và một số giải pháp phòng ngừa.